

Muchas Gracias

おお かたかた きょうりょく

多くの方のご協力によってこのガイドブックを作成することができました。

みな ところ れい かんしゃ もう あ

皆さまに心よりお礼と感謝を申し上げます。

Muito Obrigado

かいどぶっく さくせい

謝 謝

Nhờ sự hỗ trợ của rất nhiều cá nhân và đơn vị, chúng tôi đã tạo được số hướng dẫn này. Xin chân thành cảm ơn.

ありがとう

Salamat

Thank you

いばらきけんばん かいこくじんおやこ む しながく かいどぶっく

茨城県版 外国人親子向け進学ガイドブック 2023

Sổ hướng dẫn học lên dành cho phụ huynh và trẻ em nước ngoài năm 2023 Phiên bản tỉnh Ibaraki

へんしゅう はっこう にんてい

ほうしん いばらき

せんたー

こもんず

ぐろーばるせんたー

編集 / 発行 : 認定 NPO 法人 茨城 NPO センター・コモンズ グローバルセンター

Biên tập/ Đơn vị xuất bản : Tổ chức phi lợi nhuận Trung tâm Ibaraki NPO Center Commons, Global Center

いばらきけんじょうそうしみつかいどうはしもとちょう

〒303-0003 茨城県常総市水海道橋本町3571

〒303-0003

Ibaraki ken, Joso shi, Mitsukaido Hashimoto cho 3571

TEL : 0297-44-4281

Điện thoại:0297-44-4281

FAX : 0297-44-4291

FAX:0297-44-4291

E-mail : [global@npocommons.org](mailto:global@npocommons.org)

E-mail : [global@npocommons.org](mailto:global@npocommons.org)

はっこうび ねん がつ  
発行日 : 2023 年 7 月

ngày cấp : Tháng 7 năm 2023

きょうりょく いばらきけんきょういくくわく かいどうこうこうきょういくくわく いばらきけんこうとうこうこうきょういくくわく いばらきけんこうとうこうこうきょういくくわく かんれんじこう  
協力 : 茨城県教育庁高校教育課 茨城県立高等学校入学者選抜実施細則 関連事項

Đơn vị hợp tác : Bộ phận giáo dục phổ thông, Phòng giáo dục tỉnh Ibaraki

Quy định chi tiết về việc thực hiện tuyển chọn đầu vào Trung học phổ thông các trường công lập tỉnh Ibaraki

じょうそうしりつちゅうがっこう こくさいがくきゅうたんどうきょういんせいと あどばいす

常総市立中学校 国際学級担当教員 生徒へのアドバイス

Giáo viên Shinsuke Fujiki, phụ trách học thuật quốc tế, trường công lập Mitsukaido thuộc thành phố Joso

じょうそうしりつしげにしちゅうがっこう しんろしどうしゅじ はしもと まさき にゅうし かん すげしゅーる ちょうさしょ

常総市立石下西中学校 進路指導主事 橋本 正樹 入試に関するスケジュール、調査書について

Lời khuyên dành cho học sinh Giáo viên Masaki Hashimoto, phụ trách định hướng tương lai, trường công lập

Ishige - nishi

ほとがるこ

ほんやく きやん いほんね

ポルトガル語翻訳 喜屋武 イボンネ

Biên dịch tiếng Bồ Đào Nha Ivonne Kiyan

すべいんごほんやく

きやん いほんね

スペイン語翻訳 喜屋武 イボンネ

Biên dịch tiếng Tây Ban Nha Ivonne Kiyan

ちゅうごくごほんやく かん れい

中国語翻訳 関 玲

Biên dịch tiếng Trung Guan Ling

たがろくごほんやく

まらばなん

ういいういあん

タガログ語翻訳 マラバナン ヴィヴィアン

Biên dịch tiếng Tagalog Vivian Malabanan

えいごほんやく

ねもと けいこ

英語翻訳 根本 敬子

Biên dịch tiếng Anh Keiko Nemoto

ベトナムごほんやく

ぐえん てい りん ちー

ベトナム語翻訳 グエン ティリン チー

Bản dịch tiếng việt Nguyen Thi Linh Chi

ひょうしいらすと ふじさお さちこ

表紙イラスト 藤竿 幸子

Hình ảnh minh hoạ Sachiko Fujisao

でざいん

こうせい


しのさき とちこ

デザイン・構成 篠崎 智子

Thiết kế/Bố cục Tomoko Shinozaki

# Sổ hướng dẫn học lên dành cho phụ huynh và trẻ em nước ngoài năm 2023 Phiên bản tỉnh Ibaraki



I. 高校に行くということ ..... 1 ページ 

- なぜ高校に行くのだろうか
- 日本の教育制度
- 義務教育と高校の違いは

II. 高校を選ぶ ..... 3 ページ

- 高校の種類
- 課程（授業スタイル）
- 学科の種類
- 学費

III. 入試について ..... 9 ページ

- 県立高校一般入試について
- 外国人生徒特例入学者選抜について
- 私立高校入試について
- 県立高校の入試日程表

IV. 先生、先輩からのアドバイス ..... 23 ページ

V. 入試に関するスケジュール ..... 25 ページ

- 中学3年生の一年
- 調査書

VI. 私、僕の進路について(例) ..... 29 ページ

VII. 奨学金等について ..... 33 ページ

VIII. Q&A ..... 39 ページ




### はじめに

茨城県には日本語を学びながら日本の学校に通う、外国籍の子どもたちがたくさんいる地域があります。皆さん親子が将来、進路について話し合う時にぜひ使っていただけることを願いながら、茨城県として初めて外国人親子向け進路ガイドブックを作成しました。家族で話し合うとき、担任や進路の先生と話し合うときにもぜひ活用してください。

外国籍の生徒に接する先生やボランティアさんへ：

外国籍の生徒の特例入学者選抜や奨学金に関してなど、外国籍の生徒にとって重要な資料を入れています。外国籍の生徒の受験の準備や、進路に関しての話し合いの場でこのガイドブックが少しでもお役に立てればと思います。

I. Học lên cấp 3 ..... page 2 

- Tại sao phải học lên cấp 3?
- Chế độ giáo dục của Nhật Bản
- Sự khác nhau giữa giáo dục bắt buộc và giáo dục cấp 3

II. Chọn trường ..... page 4

- Các loại trường
- KATEI Các loại hình học (Hình thức giờ học)
- GAKKA(Các chương trình học)
- Học phí

III. Về kì thi nhập học ..... page10

- Kỳ thi nhập học thông thường của trường cấp 3 công lập
- Tuyển chọn đặc cách dành cho học sinh nước ngoài
- Kỳ thi nhập học trường dân lập
- Lịch thi kỳ thi nhập học trường công lập

IV. Lời khuyên từ giáo viên, những học sinh đã từng thi :  
Cách chuẩn bị cho Kỳ thi tuyển sinh ..... page24

V. Lịch liên quan đến kỳ thi nhập học ..... page26

- 1 năm của học sinh năm 3 Trung học phổ thông
- CHOSASHO(Personal/Educational record)

VI. Con đường của tôi đi (Các ví dụ) .....page30

VII. Các loại học bổng ..... page34

VIII. Hỏi đáp ..... page40



### Giới thiệu

Ở tỉnh Ibaraki có rất nhiều học sinh mang quốc tịch nước ngoài vừa học tiếng Nhật, vừa đi học tại các trường học của Nhật. Với mong muốn giúp ích được cho các bậc phụ huynh khi trao đổi với con cái mình về định hướng tương lai, chúng tôi đã cho biên soạn sách hướng dẫn định hướng tương lai dành cho các bậc phụ huynh người nước ngoài. Mong rằng quý vị phụ huynh sẽ có thể tận dụng quyển sách này khi trao đổi trong gia đình cũng như với các giáo viên để định hướng tương lai cho con em mình.

Dành cho giáo viên và tình nguyện viên đang tiếp xúc với học sinh mang quốc tịch nước ngoài: Đây là tài liệu quan trọng với học sinh nước ngoài, có những thông tin như về học bổng hay tuyển chọn đặc cách dành cho học sinh mang quốc tịch nước ngoài. Chúng tôi mong rằng quyển sổ này sẽ có ích phần nào trong việc trong đổi về định hướng tương lai và những chuẩn bị cần thiết cho kì thi của các học sinh mang quốc tịch nước ngoài.

# I. 高校に行くということ

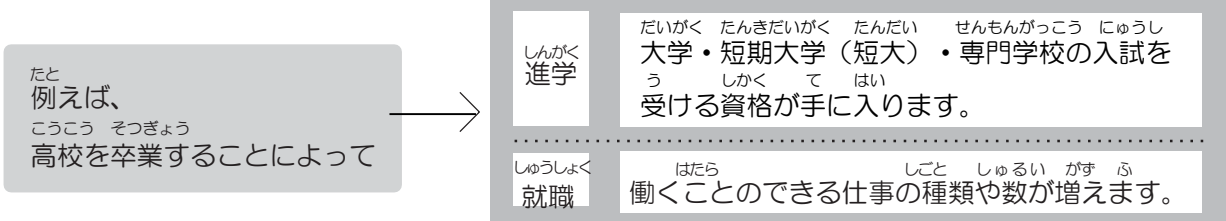
## ▼なぜ高校に行くのだろう。



高校は何をすところなんだろう。  
なぜ高校に行くんだらう。

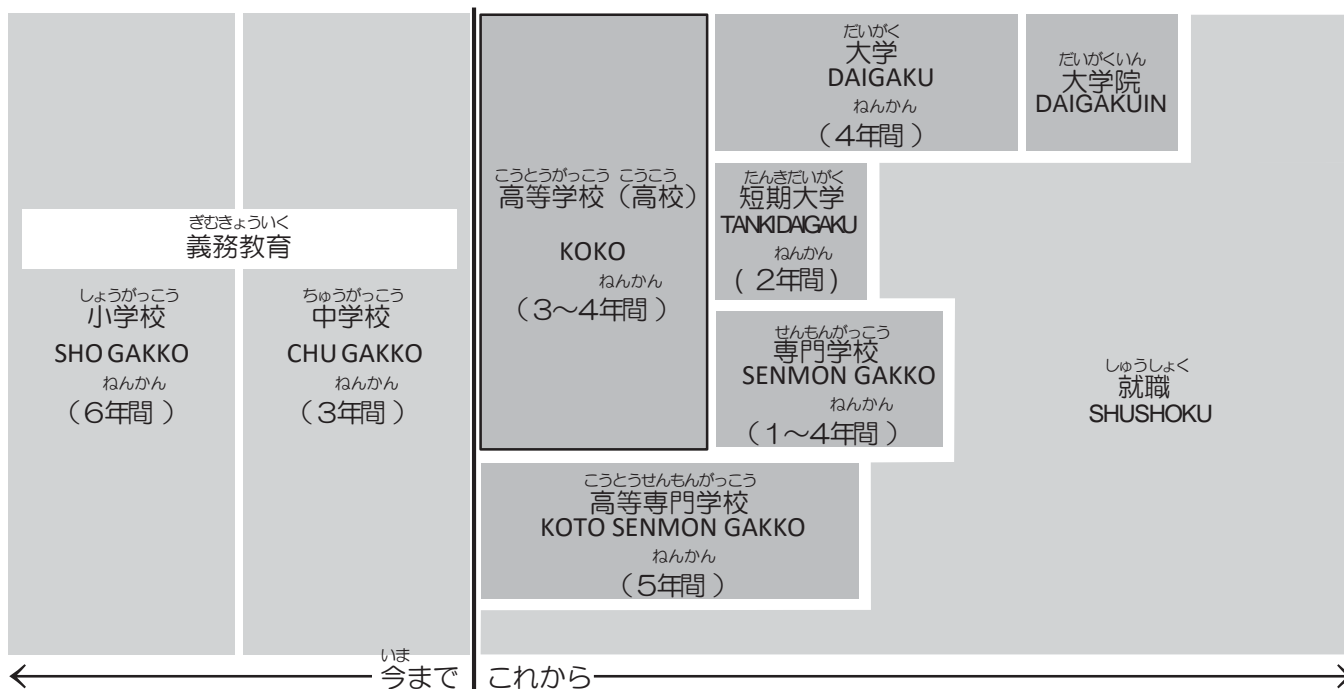
日本では大多数の中学生が高校に進学します。

高校に行くことは、自分の将来にとってどういう意味があるのでしょうか？



皆さんは夢、目標を持っていますか？ その夢や目標を実現するには、どんなステップが必要でしょうか？

## ▼日本の教育制度



## ▼義務教育と高校の違いは何だろう？

日本では、小学校から中学校までの9年間は義務教育ですが、高校は義務教育ではありません。高校は学校を自由に選べますが、入るには入学試験に合格する必要があります。入学してからも、成績が悪かったり、欠席が多かったりすると進級や卒業ができないこともあります。夢を実現するにはどんな高校に入ればいいのか、希望の高校に入るにはどのくらいの学力が必要かなど、いろいろと情報を集めてください。

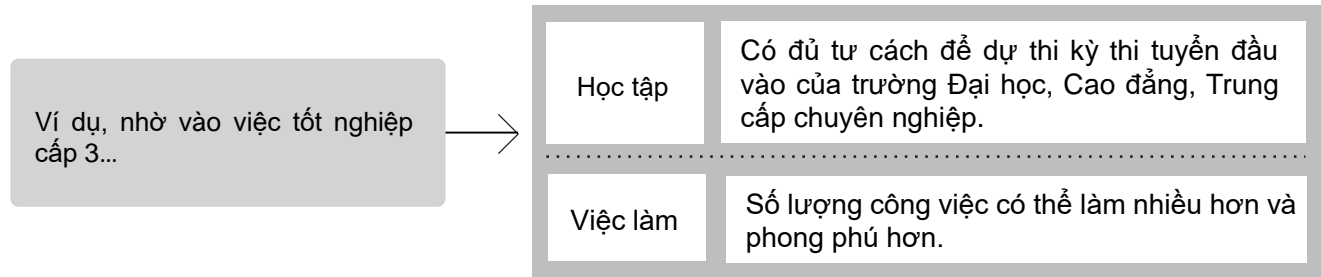
# I. "Đi học" nghĩa là gì?

## ▼Tại sao phải đi học cấp 3?



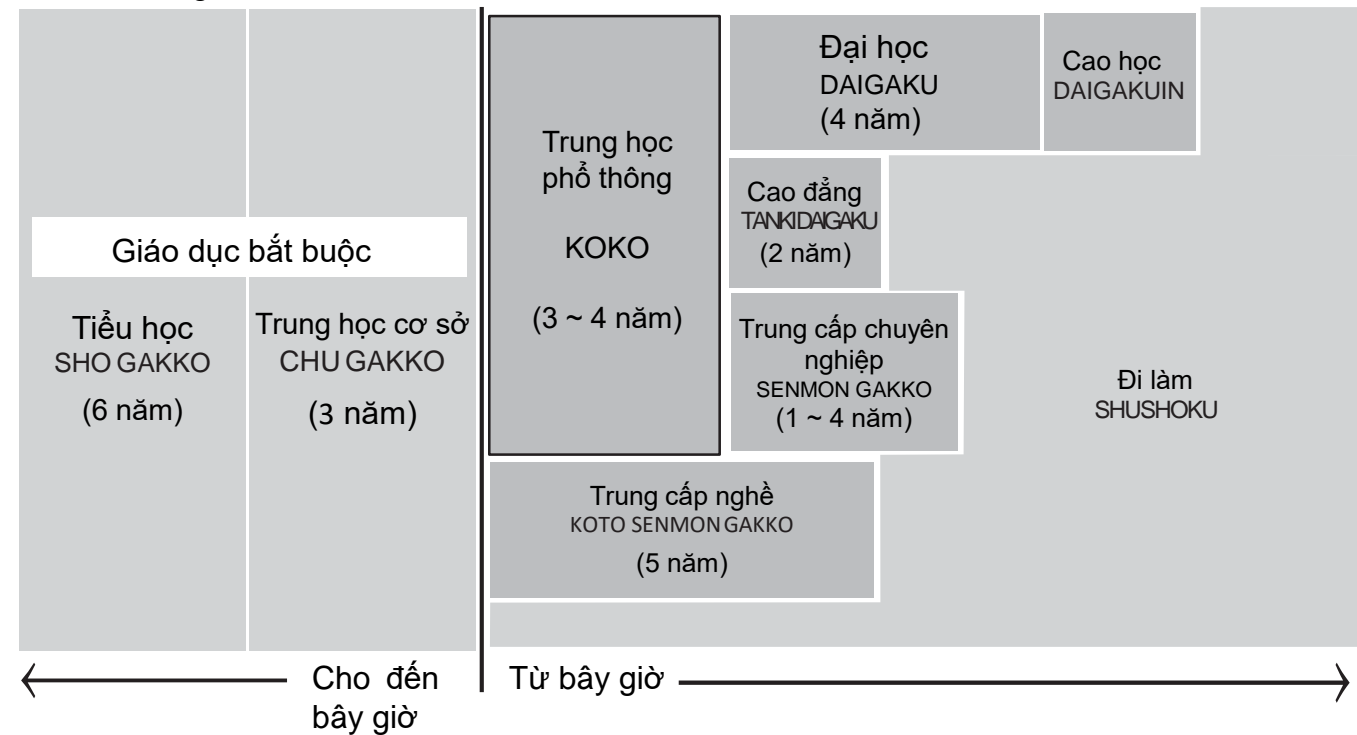
Ở cấp 3 sẽ làm gì?  
Tại sao phải đi học cấp 3?

Ở Nhật phần đông học sinh đều sau khi tốt nghiệp cấp 2 đều sẽ học lên cấp 3. Vậy thì việc học cấp 3 sẽ có ý nghĩa gì cho tương lai của bạn?



Các bạn có ước mơ và mục tiêu chứ? Vậy để thực hiện ước mơ hay mục tiêu ấy, chúng ta cần phải trải qua những bước như thế nào?

## ▼ Chế độ giáo dục của Nhật



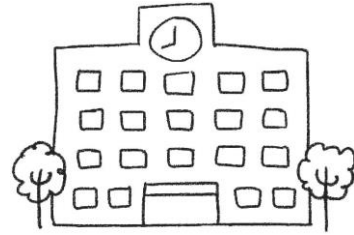
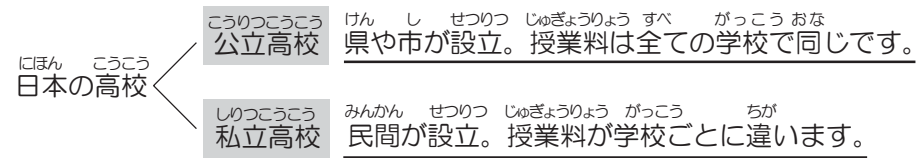
## ▼Giáo dục bắt buộc và giáo dục Trung học phổ thông khác nhau như thế nào?

Ở Nhật, 9 năm từ Tiểu học đến Trung học cơ sở là giáo dục bắt buộc, Trung học phổ thông không phải là giáo dục bắt buộc.

Khi học Trung học phổ thông, bạn có thể tự do chọn trường nhưng phải đậu kỳ thi tuyển đầu vào. Và nếu nhập học mà thành tích không tốt hoặc nghỉ nhiều thì có trường hợp sẽ không được lên lớp hoặc không được tốt nghiệp. Vì thế, hãy thu thập thật nhiều thông tin để biết mình nên vào trường nào thì phù hợp với nguyện vọng của mình, hay là để vào được trường mong muốn thì cần phải có học lực như thế nào,

## II. 高校を選ぶ

### ▼ 高校の種類



#### 注意

※公立と私立はかかる費用が大きく違います。

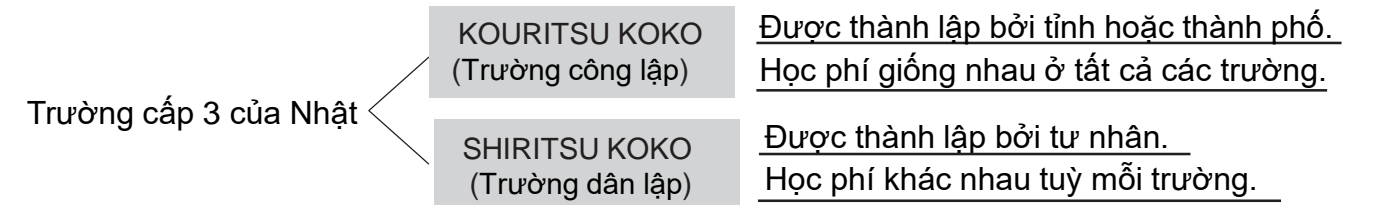
※市立と私立は読み方は同じですが、市が設立した「市立」と、行政ではない民間が設立した「私立」があります。  
(茨城県には「市立」の学校はありません。)

### ▼ 課程 (授業スタイル) : 高校には学習の課程が3つあります。

ぜんじちせい 全日制	<ul style="list-style-type: none"> <li>おもに平日の昼間に学習します。毎日授業を受けます。</li> <li>多くの方がこの課程で学んでいます。</li> <li>茨城県の県立高校では 86 校 1 分校あります。</li> <li>学年制が多いです。</li> <li>卒業まで3年間です。</li> </ul>
ていじせい 定時制	<ul style="list-style-type: none"> <li>午前、午後、夜間など区切られた時間帯で授業を受けます。</li> <li>働きながら通うことができます。</li> <li>卒業に4年間かかります。3年間で卒業できる制度がある学校もあります。</li> <li>茨城県の県立高校では 12 校あります。</li> <li>(高萩、日立工業、太田第一、水戸農業、水戸南、鹿島灘、土浦第一、石岡第一、竜ヶ崎第一、莖崎、結城第二、古河第一高等学校)</li> </ul>
つうしんせい 通信制	<ul style="list-style-type: none"> <li>普段は家で勉強します。毎日学校へ行きませんが、レポートを作成しスクーリングに行ったり、試験を受けて単位を修得します。</li> <li>卒業に3年以上かかります。</li> <li>茨城県の県立学校では 1 校あります。(水戸南高等学校)</li> </ul>

## II. Chọn trường

### ▼ Các loại trường



#### Lưu ý!

※Chi phí giữa trường công lập và trường dân lập khác nhau khá nhiều.

※Từ "Shiritsu" đều mang ý nghĩa là trường do thành phố thành lập và trường dân lập. Cả hai có cách viết khác nhau nhưng cách đọc giống nhau.  
(Ở trong tỉnh Ibaraki không có trường do thành phố thành lập)

### ▼ KATEI (Các loại hình học) : Ở cấp 3 có 3 loại hình học tập

ZENNICHI SEI (toàn thời gian)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ yếu sẽ học vào ban ngày các ngày trong tuần. Mỗi ngày đều đi học.</li> <li>Có rất nhiều học sinh học bán trú.</li> <li>Có 86 trường và 1 phân trường công lập của tỉnh Ibaraki áp dụng lại hình này.</li> <li>Hầu hết là học niên chế.</li> <li>Sẽ mất 3 năm để tốt nghiệp.</li> </ul>
TEIJI SEI (Loại hình giờ cố định)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đi học vào một thời gian nhất định trong ngày như buổi sáng, buổi chiều hoặc buổi tối</li> <li>Có thể vừa đi làm vừa đi học.</li> <li>Sẽ mất 4 năm để tốt nghiệp. Cũng có trường có chế độ chỉ mất 3 năm.</li> <li>Có 12 trường công lập của tỉnh Ibaraki áp dụng loại hình này. (Trường Takahagi, Trường công nghiệp Hitachi, Trường Ota Daiichi, Trường nông nghiệp Mito, Trường Mito Minami, Trường Kashimanada, Trường Tsuchiura Daiichi, Trường Íhioka Daiichi, Trường Ryugasaki Daiichi, Trường Yuuki Daiichi, Trường Koga Daiichi, Trường Kukizaki)</li> </ul>
TSUSHIN SEI (Loại hình học từ xa)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thường sẽ học tại nhà. Học sinh không cần phải đến trường mỗi ngày mà viết báo cáo, đến trường hay là dự thi và lấy tín chỉ.</li> <li>Sẽ mất hơn 3 năm để tốt nghiệp.</li> <li>Hiện tại ở tỉnh Ibaraki chỉ có 1 trường áp dụng loại hình này (Trường Trung học Mito Minami)</li> </ul>

▼ 学科の種類

- 「大学進学サポートに力を入れている」、「特定の分野の授業や実習の機会が多く、就職支援を受けやすい」などそれぞれに特徴があります。
- 卒業生の進路の傾向も高校を選ぶときに参考になるので、要チェックです！

ふつうか 普通科	<p>一般的な学科です。</p> <p>大学への進学に必要な教科（国語、英語、数学など）を中心に学びます。</p> <p>【卒業後は？】大学、短大、専門学校へ行く人が多いです。</p>
せんもんがっか 専門学科	<p>農業、工業、商業、水産、家庭、看護、福祉、理数、音楽、美術、国際に関する学科があります。</p> <p>やりたい仕事について専門的な知識や技術を学びます。</p> <p>資格取得に力を入れています。</p> <p>【卒業後は？】大学などに進み、より専門的な勉強もできますが、就職する人も多いです。</p> <p>工業系なら「自動車整備工場、建築事務所」など、</p> <p>商業系なら「銀行、スーパー、デパート」など。</p> <p>看護福祉系なら看護師や福祉士として病院などがあります。</p>
そうごうがっか 総合学科	<p>茨城県では原則的に単位制です。</p> <p>普通教育と専門教育の両方の勉強をします。</p> <p>将来、大学が就職か、進路を決めるための学習もします。</p> <p>生徒が学びたい科目、必要な科目を選んで学ぶことができます。</p>

参考：茨城県教育委員会「ハイスクールガイド」学科の説明

<http://www.edu.pref.ibaraki.jp/board/gakkou/koukou/gakkodukuri/guide/040.html>



▼ クラスや学年の分け方が違う2種類のシステムがあります。

- 学年制** → 小学校や中学校のように、勉強する内容が学年によって大体決まっています。
- 単位制** → 学年によって勉強する内容が決まっているのではなく、必要な単位を修得していきます。そして必要な単位をとることで卒業できます。

▼ Các chương trình học (GAKKA)

- Mỗi loại khoá học sẽ có các đặc trưng khác nhau như là: “Hỗ trợ học lên đại học”, “Hỗ trợ xin việc nhờ tăng cường cơ hội thực hành và các giờ học chuyên ngành đặc thù”.
- Khuyến khích làm việc, học tập sau khi ra trường của mỗi trường cũng sẽ là một tiêu chí để tham khảo khi chọn trường, vì thế hãy xem kỹ phần này.

FUTSU KA (Chương trình phổ thông)	<p>FUTSU KA (Chương trình phổ thông) Đây là khoa thông thường.</p> <p>Bạn sẽ chủ yếu học những môn để có thể thi lên đại học (Tiếng Nhật, tiếng Anh, toán, ...)</p> <p>【Sau khi tốt nghiệp】 Có nhiều học sinh sẽ học lên đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.</p>
SENMON GAKKA (Chương trình chuyên môn)	<p>Chương trình chuyên môn</p> <p>Có những khóa liên quan đến quốc tế, mỹ thuật, âm nhạc, nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, thủy sản, gia đình, hộ lý, phúc lợi, khoa học, âm nhạc. Học sinh sẽ được học những kỹ thuật, kiến thức chuyên môn về công việc mà mình muốn làm.</p> <p>【Sau khi tốt nghiệp】 Sau khi tốt nghiệp học sinh có thể học lên cao học hoặc học chuyên sâu về chuyên môn nhưng hầu hết mọi người sẽ đi làm. Ví dụ như các bạn học sinh chuyên ngành về cơ khí sẽ làm ở trong nhà máy thiết bị xe hơi, văn phòng kiến trúc; hay chuyên ngành thương mại sẽ làm ở ngân hàng, siêu thị, trung tâm thương mại. Hoặc chuyên ngành phúc lợi hộ lý thì có thể làm ở bệnh viện.</p>
SOGO GAKKA (Chương trình tổng hợp)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ở tỉnh Ibaraki, về nguyên tắc, chương trình tổng hợp sẽ theo hệ thống tín chỉ.</li> <li>Học sinh sẽ học cả giáo dục phổ thông và giáo dục chuyên môn.</li> <li>Học sinh cũng sẽ học để có thể quyết định được tương lai mình sẽ học lên đại học hay đi làm.</li> <li>Học sinh có thể chọn môn học mà mình muốn học hoặc môn học mình thấy cần thiết.</li> </ul>

Tham khảo: Ủy ban giáo dục tỉnh Ibaraki “Hướng dẫn Trung học phổ thông” Mô tả các chương trình học <http://www.edu.pref.ibaraki.jp/board/gakkou/koukou/gakkodukuri/guide/040.html>



▼ Có 2 hệ thống chia theo lớp và chia theo năm học.

- GAKUNEN SEI** Hệ thống niên chế → Nội dung học tập sẽ được quy định theo từng năm giống như ở bậc Tiểu học và Trung học cơ sở
- TAN I SEI** Hệ thống tín chỉ → Nội dung học tập không được quy định theo năm mà học sinh sẽ học để lấy số tín chỉ cần thiết. Học sinh có thể tốt nghiệp khi đủ số tín chỉ.

▼ 学費について

	公立高校		私立高校
	全日制	定時制	全日制
入学選考手数料	2,200円	950円	約 20,000円 (平均)
入学金	5,650円	2,100円	約 250,000円 (平均)
授業料	118,800円/年	32,400円/年	1年間で約300,000円 (平均)



※私立高校の学費は、学校ごとに違います。

ここではいくつかの学校の平均の金額が書いてあります。

※金額は変更されることがあります。

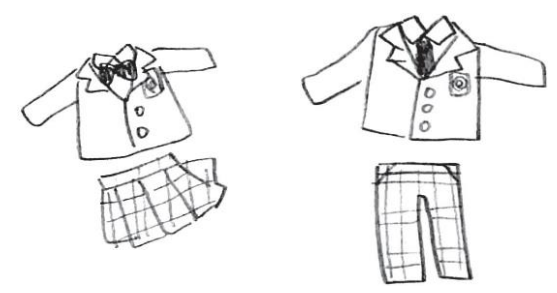
※その他「PTA会費」「後援会費」「生徒会費」「教材費」「旅行（修学旅行など）積立金」などもかかります。

※制服も夏服と冬服のそれぞれを買う必要があります。

例) ある県立学校では女子生徒の夏服は約16,000円、冬服は約43,000円かかります。  
 ある私立学校では女子生徒の夏服は約32,000円、冬服は約68,000円かかります。  
 どちらの学校もその他体操着などの費用は別にかかります。  
 →学校によって必要なものや値段が違います。学校によく確認しましょう！

※通学費についても調べる必要があります。基本は自転車通学ですが、一部の学校ではバイク通学も可能です。

※電車やバスの学生割引の定期券などもあります。3年間毎日通うので、よく確認をして、考えましょう。



私立高校と公立高校は費用が大きく違いますね。  
 お金が気になる方は奨学金などに関して33~38ページをチェックしましょう！

入学金などの免除→入学金や諸会費などを免除する学校もあります。先生に相談しましょう。

▼ Về học phí (Gaku Hi)

	Trường công lập		Trường dân lập
	Zennichi sei (Loại hình bán trú)	Teiji sei (Loại hình giờ cố định)	Zennnichi sei (Loại hình bán trú)
Phí thi tuyển đầu vào	2,200yêns	950yêns	Khoảng 20,000 yêns (Trung bình)
Phí nhập học	5,650yêns	2,100yêns	Khoảng 250,000 yêns (Trung bình)
Học phí	118,800yêns /năm	32,400yêns /năm	Trong 1 năm khoảng 300,000yên (Trung bình)



※Học phí trường dân lập sẽ khác nhau tùy mỗi trường. Chúng tôi chỉ cung cấp học phí trung bình của một số trường.

※Chi phí cũng có thể có sự thay đổi.

※Ngoài ra còn có các phí như là “Phí hội viên PTA”, “Phí hội hỗ trợ”, “Phí hội học sinh”, “Tiền giáo trình”, “Quỹ du lịch (du lịch học tập)”.

※ Học sinh cũng cần mua đồng phục mùa hè và mùa đông.

Ví dụ : Ở một trường công lập có giá đồng phục mùa hè dành cho nữ là khoảng 16,000 yên, mùa đông là khoảng 43,000 yên.  
 Ở trường dân lập có giá đồng phục mùa hè dành cho nữ là khoảng 32,000 yên, mùa đông là khoảng 68,000 yên.  
 Ngoài ra trường nào cũng sẽ có thêm những chi phí khác như đồng phục thể dục.  
 →Tùy vào từng trường mà những đồ dùng cần thiết và giá thành sẽ khác nhau. Hãy xác nhận với trường học của bạn!

※ Học sinh và phụ huynh cũng cần tìm hiểu về chi phí đi lại. Thường thì các bạn học sinh đi xe đạp đi học nhưng có một số trường có thể đi học bằng xe máy.

※ Ngoài ra cũng có vé xe buýt, xe điện định kì giảm giá cho học sinh. Bởi vì trong 3 năm các bạn sẽ phải đi học mỗi ngày cho nên hãy kiểm tra và suy nghĩ kỹ về vấn đề này.



Có thể thấy có sự khác nhau lớn về chi phí giữa trường dân lập và công lập. Với những vị phụ huynh đang lo lắng về vấn đề tiền bạc, có thể tham khảo thêm về học bổng ở trang 33 ~ trang 38.

Miễn giảm phí nhập học → Cũng có những trường sẽ miễn giảm các chi phí như phí nhập học và các phí khác.

### III. 入試について

#### 茨城県立高校の入学試験（一般入学）について

高校に入るには、入学試験（入試）を受けて合格する必要があります。  
一般的に多くの中学生が受ける県立高校について説明します。

一般入学には2種類があります。

- 1. 共通選抜
- 2. 特色選抜

まずは 1. 共通選抜 についてみてみましょう。

	共通選抜	
	全日制	定時制
試験日	令和6年2月28日（水）	
試験の内容	<p>【試験パターン1】学力検査・5教科 国語、社会、数学、理科、英語（リスニング）</p> <p>学校によっては面接があります。</p>	<p>【試験パターン2】学力検査・3教科 国語、数学、英語（リスニングあり）</p> <p>必ず面接があります。（学校によっては作文があります）</p>
提出書類	<p>1. 入学願書</p> <p>2. 学力検査受検票</p>	
選抜資料 提出方法	<p>中学校長から提出された調査書</p> <p>学力検査の成績</p> <p>その他選抜に関する資料</p>	<p>中学校長から提出された調査書</p> <p>学力検査の成績</p> <p>その他選抜に関する資料</p>

### III. Về kỳ thi nhập học

#### Giới thiệu về Kỳ thi Đầu vào (IPPAN NYUGAKU) dành cho các trường Trung học công lập ở Ibaraki.

Để vào trường cấp 3 thì cần thi đỗ kỳ thi nhập học.  
Chúng tôi sẽ giới thiệu về kì thi trường công lập mà hầu hết học sinh trung học đều dự thi.

Kì thi thông thường có 2 loại (IPPAN NYUGAKU).

- 1. KYOTSU SENBATSU (Tuyển chọn thông thường)
- 2. TOKUSHOKU SENBATSU (Tuyển chọn đặc biệt)

Đầu tiên, chúng ta hãy cùng xem về tuyển chọn thông thường (KYOTSU SENBATSU).

	KYOTSU SENBATSU (Tuyển chọn thông thường)	
	ZENNICHI SEI (Loại hình bán trú)	TEIJI SEI (Loại hình giờ cố định)
Ngày thi	Kiểm tra lực học Thứ Tư, ngày 28 tháng 2 năm 2024	
Nội dung thi	<p>【Kiểm tra lực học/ 5 môn】</p> <p>Tiếng Nhật, Xã hội, Toán học, Vật lí, Tiếng Anh (Có kiểm tra nghe)</p>	<p>【Kiểu thi 1】 Kiểm tra lực học/ 5 môn Tiếng Nhật, Xã hội, Toán học, Vật lí, Tiếng Anh (Có kiểm tra nghe) <u>Tùy vào mỗi trường thì sẽ có phỏng vấn.</u></p> <p>【Kiểu thi 2】 Kiểm tra lực học/ 3 môn Tiếng Nhật, Toán học, Tiếng Anh (Có kiểm tra nghe) Chắc chắn có <u>phỏng vấn</u> Có thể có thi viết tùy vào trường.</p>
Tài liệu bắt buộc	<p>1. Phiếu đăng ký dự thi (NYUUGAKU GANSYO)</p> <p>2. Phiếu dự thi kiểm tra lực học (GAKURYOKUKENSA JUKENHYO)</p>	
Hồ sơ tuyển chọn và cách thức	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chosasho (học bạ) được cấp bởi hiệu trưởng trường cấp 2</li> <li>• Phiếu điểm kiểm tra lực học</li> <li>• Những hồ sơ khác liên quan đến việc tuyển chọn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chosasho (học bạ) được cấp bởi hiệu trưởng trường cấp 2</li> <li>• Kết quả kiểm tra năng lực, phỏng vấn, thi viết (tùy trường)</li> <li>• Những hồ sơ khác liên quan đến việc tuyển chọn</li> </ul>

	ぜんにちせい 全日制	ていじせい 定時制	
おうほしかく 応募資格	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	にほん ちゅうがっこう そつぎょう ねん がつそつぎょう よてい ひと 日本の中学校を卒業または2024年3月卒業する予定の人。 あるいは海外で9年の学校教育の課程を卒業（修了）または 2024年3月卒業（修了）する予定の人。
	<input type="radio"/>		ほこしゃ いばらきけんない す ひと 保護者とともに茨城県内に住んでいる人
		<input type="radio"/>	す ばしょ はたら ばしょ いばらきけんない ひと 住んでいる場所または働いている場所が茨城県内の人
じぶん おうほしかく ちゅうがっこう せんせい そうだん ※自分に応募資格があるかどうか、中学校の先生と相談しましょう。			
ごうかくはつひょう 合格発表	れいねん ねん がつ にち かようび 令和6年3月12日（火）		
も もの 持ち物	かなら も じゆけんひょう えんぴつ け ごむ こんばす さんかくじょうぎ ちゅうしよく (必ず持っていくもの) 受験票、鉛筆、消しゴム、コンパス、三角定規、昼食、うわばき も したじ えんぴつけず どう ぶんぐ (持っていてもいいもの) 下敷き、鉛筆削り等の文具 も どれい どれいきのう じしよきのう (持っていくといいもの) 時計（計算機能や辞書機能のないもの） えんぴつ シャープペンシル ※鉛筆はシャープペンシルでもよい。 けいだいでんわ けんさしつ も こ ※携帯電話は検査室に持ち込めません。		

しけんび にち かもく しけん う しけん  
※試験日1日に5科目の試験を受けます。（試験は9：20～15：20）  
えいご こくご すうがく ちゅうしよく しゃかい りか じゆんぱん  
(英語、国語、数学、昼食、社会、理科の順番です。)  
かもく しけんじかん ぶん  
※1科目の試験時間は50分です。  
ひるやす ちゅうしよく わす  
※お昼休みがあります。昼食を忘れずに！



	ZENNICHI Loại hình bán trú	TEIJI Loại hình giờ cố định	
Đối tượng ứng tuyển	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	Những người đã tốt nghiệp cấp 2 của Nhật Bản hoặc sẽ tốt nghiệp vào tháng 3 năm 2024. Hoặc những người đã tốt nghiệp (hoàn thành) chương trình học 9 năm ở nước ngoài, hay sẽ tốt nghiệp (hoàn thành) vào tháng 3 năm 2024.
	<input type="radio"/>		Những người cùng sống chung với người giám hộ ở trong tỉnh Ibaraki
		<input type="radio"/>	Những người có nơi sống hoặc nơi làm việc ở tỉnh Ibaraki
※ Hãy trao đổi thêm với giáo viên cấp 2 để xem mình có đủ tư cách để ứng tuyển hay không			
Ngày có kết quả	Thứ ba ngày 12 tháng 3 năm 2024		
Đồ vật mang theo	(Cần thiết phải mang) Phiếu dự thi, bút chì, tẩy, compa, thước đo góc vuông, cơm trưa, Uwabaki (Có thể mang) Văn phòng phẩm như Shitashiki hay gọt bút chì (Nên mang) Đồng hồ (Không có tính năng tính toán hoặc tra từ)  ※Có thể sử dụng bút chì bấm. ※Không được mang điện thoại vào phòng thi.		

※Sẽ thi 5 môn trong cùng 1 ngày. (Thời gian từ 9h20 đến 15h20)  
(Thi theo thứ tự tiếng Anh, tiếng Nhật, toán, ăn trưa, xã hội, vật lý)  
※Thời gian thi cho 1 môn là 50 phút.  
※Sẽ có nghỉ trưa nên các thí sinh đừng quên mang cơm trưa.





つぎ 2. 特色選抜 についてみてみましょう。



特色選抜は文化、芸術やスポーツなどで才能や実績がある生徒のための選抜です。

令和6年度は茨城県の全日校87校1分校のうち64校1校が特色選抜を行います。

学校によって選抜のための資料や配点が異なります。応募できる基準や内容も異なります。

特色選抜で受験したいと思っている生徒は学校の先生によく相談して、自分が応募できるかどうか確認しましょう。



Tiếp theo, chúng ta hãy cùng xem về 2. Tuyển chọn đặc biệt (TOKUSHOKU SENBATSU)



Tuyển chọn đặc biệt là tuyển chọn dành cho các thí sinh có thành tích, tài năng đặc biệt về văn hoá, nghệ thuật, thể thao, ...

Ở năm 2024, có 87 trường 1 phân trường trong tổng số 64 trường 1 phân trường loại hình học bán trú ở tỉnh Ibaraki có áp dụng hình thức tuyển chọn đặc biệt này.

Tùy vào mỗi trường thì hồ sơ tuyển chọn và cách tính điểm sẽ khác nhau. Tiêu chuẩn ứng tuyển và nội dung cũng khác nhau.

Những học sinh muốn ứng tuyển hình thức tuyển chọn đặc biệt này thì cần phải trao đổi với giáo viên và xác nhận mình có thể ứng tuyển được không không.



とくしょくせんぱつ 特色選抜	
試験日	<p>がくりょくけんさ 令和6年2月28日(水) 学力検査</p> <p>めんせつ 令和6年2月29日(木) 面接など</p>
試験の内容	<p>がくりょくけんさ きょうか めんせつ かならず 【学力検査・5教科+面接 (必ずあります)】</p> <p>こくご しゃかい すうがく りか えいご りすにんぐ 国語、社会、数学、理科、英語(リスニングあり)</p> <p>がっこう さくぶん じつぎけんさ ※学校によって、作文や実技検査があります。</p> <p>せんせい いっしょ かくにん う こうこう かくにん 先生と一緒に確認しましょう。受りたい高校のHPで確認することもできます。</p>
提出書類	<p>にゅうがくがんしょ 1. 入学願書</p> <p>がくりょくけんさじゅけんひょう 2. 学力検査受検票</p> <p>しがんりゆうしょ 3. 志願理由書</p> <p>ていしゅつしよるい がっこう せんせい いっしょ かくにん ※提出書類は学校の先生と一緒に確認しよう。</p>
合格発表	<p>れいわ ねん がつ にち かようび 令和6年3月12日(火)</p>
持ち物	<p>かなら も じゅけんひょう えんぴつ け ごむ こんぱす さんかくじょうぎ ちゅうしやく (必ず持っていくもの) 受検票、鉛筆、消しゴム、コンパス、三角定規、昼食、うわばき</p> <p>も しだし えんぴつけず とう ばんぐ (持っていてもいいもの) 下敷き、鉛筆削り等の文具</p> <p>も とけい とけいきのう じしよきのう (持っていくといいもの) 時計(計算機能や辞書機能のないもの)</p> <p>えんぴつ しゃーぷへんしる ※鉛筆はシャープペンシルでもよい。</p> <p>けいたいでんわ けんさしつ も こ ※携帯電話は検査室に持ち込めません。</p>

TOKUSHOKU SENBATSU (Tuyển chọn đặc biệt)	
Ngày thi	<p>Kiểm tra lực học Thứ Tư, ngày 28 tháng 2 năm 2024 Phỏng vấn Thứ năm, ngày 29 tháng 2 năm 2024</p>
Nội dung thi	<p>【Kiểm tra lực học 5 môn + Phỏng vấn (Chắc chắn có)】 Tiếng Nhật, Xã hội, Toán học, Vật lí, Tiếng Anh (Có kiểm tra nghe)</p> <p>※Tùy vào mỗi trường có thể có kiểm tra năng lực và thi viết.</p> <p>Hãy trao đổi và xác nhận lại với giáo viên về vấn đề này. Học sinh cũng có thể xác nhận thông tin trên trang chủ của trường mà mình muốn đăng ký dự thi.</p>
Hồ sơ	<p>1. NYUGAKU GANSHO (Phiếu đăng ký dự thi)</p> <p>2. GAKURYOKU KENSA JYUKENHYO (Phiếu dự thi kiểm tra lực học)</p> <p>3. SHIGAN RIYUSHO (Giấy lí do đăng ký)</p> <p>※ Hãy xác nhận lại với giáo viên về các hồ sơ nộp dự thi.</p>
Ngày có kết quả	Thứ ba ngày 12 tháng 3 năm 2024
Đồ vật mang theo	<p>(Cần thiết phải mang) Phiếu dự thi, bút chì, tẩy, compa, thước đo góc vuông, cơm trưa, Uwabaki</p> <p>(Có thể mang) Văn phòng phẩm như Shitajiki hay gọt bút chì</p> <p>(Nên mang) Đồng hồ (Không có tính năng tính toán hoặc tra từ)</p> <p>※Có thể sử dụng bút chì bấm.</p> <p>※Không được mang điện thoại vào phòng thi.</p>

外国人生徒（来日から3年以内）の特例入学者選抜について

いっばんにゅうがく以外に、  
外国人生徒（来日から3年以内）のための特別の選抜も選ぶことができます。



茨城県内の全ての県立高校で外国人生徒の特例入学者選抜が行われます！

募集人員は各高校によって異なります。（全日制および定時制課程で各2名以上です）

多くの方が同じ高校で外国人生徒の特例入学者選抜を受けた場合は競争倍率が高くなる場合があります。



	せんじちせい ていじせい 全日制/定時制
しけん日 試験日	がくりょくけんさ れいねん 2月28日(水) 学力検査 令和6年2月28日(水)
しけんないよう 試験の内容	がくりょくけんさ きょうか えいご こくご すうがく めんせつ 学力検査3教科（英語、国語、数学）+面接
しがんてつづ 志願の手続き	<p>にゅうがくがんしよ 1. 入学願書</p> <p>がいこくじんとかくれいにゅうがくしゃせんぱつ がいこくじんかいはいせいじゅうじょうきょうせつめいしよ 2. 外国人特例入学者選抜 海外在住状況説明書 = 「外国人海外在住説明書」</p> <p><a href="http://www.edu.pref.ibaraki.jp/board/gakkou/koukou/nyuusi/h30/kousaisoku/">http://www.edu.pref.ibaraki.jp/board/gakkou/koukou/nyuusi/h30/kousaisoku/</a></p> <p>じゅうみんひょう こくせき ざいりゅうしかく およ ざいりゅうかかん きさい 3. 住民票（国籍、在留資格 及び在留期間が記載してあるもの）</p> <p>しがんさき へんこう 志願先の変更について</p> <p>しがんさきの へんこう かい がつ にち がつ にち かかん どもく ※ 志願先の変更は1回のみ。（2月16日～2月19日の4日間のみ※土日含む）</p> <p>がいこくじんせいと とくれいにゅうがくしゃせんぱつ しゅつがん ばあい ※ 外国人生徒の特例入学者選抜に出願した場合は、</p> <p>いっばんにゅうがく ほか がっこう がいこくじんせいと とくれいにゅうがくしゃせんぱつ かい かぎ へんこう 一般入学か他の学校の外国人生徒の特例入学者選抜へ、1回に限り変更できます。</p> <p>いっばんにゅうがく しゅつがん ばあい がいこくじんとかくれいせんぱつ へんこう 一般入学に出願した場合、外国人特例選抜への変更はできません。</p>
せんぱつしりょう 選抜資料	ちゅうがっこうちやう ていしゅつ ちやうさしよ ・ 中学校長から提出された調査書
ほうほう 方法	がくりょくけんさ せいせき めんせつ けつか た しりょう ・ 学力検査の成績、面接の結果やその他の資料
	がっこう がつか とくしよく きょういく う のうりよく てきせい そうごうてき はんてい ・ 学校や学科などの特色にあっているか、教育を受けるための能力や適性があるかを総合的に判定

▼ Về tuyển chọn đặc cách dành cho học sinh có quốc tịch nước ngoài (đến Nhật chưa đầy 3 tháng)

Sinh viên nước ngoài có thể đăng ký lựa chọn đặc biệt này dành cho người nước ngoài như một lựa chọn thay thế bên cạnh IPPAN NYUGAKU (nhập học chung) nếu ứng viên sống ở Nhật Bản dưới 3 năm kể từ khi họ đến Nhật Bản.



Tất cả các trường công lập trong tỉnh Ibaraki đều sẽ tổ chức tuyển chọn đặc cách dành cho học sinh nước ngoài.

Số lượng tuyển chọn của mỗi trường sẽ khác nhau.

(Ít nhất 2 học sinh mỗi loại hình bán trú và giờ cố định)

Nếu có nhiều thí sinh cùng ứng tuyển vào một trường theo hình thức này thì tỉ lệ chọi sẽ tăng cao.



	ZENNICHI SEI (Loại hình bán trú) / TEIJI SEI (Loại hình giờ cố định)
Ngày thi	Kiểm tra năng lực Thứ Tư, ngày 28 tháng 2 năm 2024
Nội dung thi	Kiểm tra lực học 3 môn (Tiếng Anh, Tiếng Nhật, Toán) + Phỏng vấn
Thủ tục ứng tuyển	<p>1. NYUGAKU GANSHO (Giấy đăng ký nhập học)</p> <p>2. GAIKOKUJIN TOKUREI NYUGAKUSHA SENBATSU KAIGAI ZAIJYU JYOKYO SETSUMEISHO (Giấy chứng nhận lưu trú tại nước ngoài dành cho tuyển chọn đặc cách thí sinh quốc tịch nước ngoài) = "GAIKOKUJIN KAIGAI ZAIJYU SETSUMEISHO" ("Giấy chứng nhận lưu trú nước ngoài dành cho người nước ngoài") <a href="http://www.edu.pref.ibaraki.jp/board/gakkou/koukou/nyuusi/h30/kousaisoku/">http://www.edu.pref.ibaraki.jp/board/gakkou/koukou/nyuusi/h30/kousaisoku/</a></p> <p>3. JYUMINHYO (Hộ khẩu: bao gồm thông tin về quốc tịch, tư cách lưu trú và thời gian lưu trú).</p> <p>Về việc thay đổi nguyện vọng</p> <p>※ Chỉ được thay đổi nguyện vọng 1 lần (Chỉ trong thời gian 4 ngày từ 16/2 đến 19/2 *Kể cả thứ 7 và chủ nhật)</p> <p>※ Trong trường hợp đăng ký tuyển chọn đặc cách dành cho học sinh nước ngoài, chỉ có thể đổi 1 lần sang trường khác hoặc dạng tuyển chọn thông thường. Trong trường hợp đăng ký tuyển chọn thông thường thì không được đổi sang tuyển chọn đặc cách.</p>
Hồ sơ tuyển chọn và cách thức	<p>・ CHOSASHO (hồ sơ cá nhân / giáo dục) được cấp bởi hiệu trưởng trường cấp 2</p> <p>・ Thành tích học tập, kết quả phỏng vấn và các hồ sơ khác</p> <p>・ Đánh giá tổng hợp trên nhiều tiêu chí như sự đa dạng ngành học, trường học, khả năng, năng lực tiếp nhận học tập.</p>

	ぜんにちせい 全日制	ていじせい 定時制	
おうほしかく 応募資格	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	にほん ちゅうがこう そつぎょう ねん がつ そつぎょう よてい ひと 日本の中学校を卒業または2024年3月卒業する予定の人。 あるいは海外で9年の学校教育の過程を卒業（修了）または 2024年3月卒業（修了）する予定の人。
	<input type="radio"/>	<input type="checkbox"/>	ほごしゃ いばらきけんない す ひと 保護者とともに茨城県内に住んでいる人、 入学する時までに住む予定の人。
	<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	す ばしょ はたら ばしょ いばらきけんない ひと 住んでいる場所または働いている場所が茨城県内の人。
	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	がいこくせき ひと にゅうこく にほん きかん ねんない ひと <b>外国籍の人で、入国してから日本に在る期間が3年以内の人。</b> ★原則として入国した日から令和6年3月1日までに 3年たっていないこと
	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	れいわ ねんど にゅうがくしゃせんぱつ ほか こうりつこうとうがっこう しゅつがん 令和6年度の入学選抜で、他の公立高等学校に出願しない人。

くわ しんろしどう せんせい そうだん  
※詳しくは進路指導の先生に相談しよう！

こうかくはっぴょう  
合格発表

れいわ ねん がつ にち かようび  
令和 6 年 3 月 12 日 (火)

も もの  
持ち物

かなら も じゅけんひょう えんぴつ け ごむ こんぱす さんかくじょうぎ ちゅうしょく  
(必ず持って行くもの) 受検票、鉛筆、消しゴム、コンパス、三角定規、昼食、うわばき  
も しだし えんぴつけず どう ぶんぐ  
(持っていてもいいもの) 下敷き、鉛筆削り等の文具  
も とけい とけいきのう じしよきのう  
(持っていくといいもの) 時計 (計算機能や辞書機能のないもの)  
えんぴつ しやーぷんしる  
※鉛筆はシャープペンシルでもよい。  
けいだいでんわ けんさしつ も こ  
※携帯電話は検査室に持ち込めません。

しけんび にち かもく ひつきしけん めんせつ う しけん  
※試験日 1 日に 3 科目の筆記試験と面接を受けます。(試験は 9:20~)

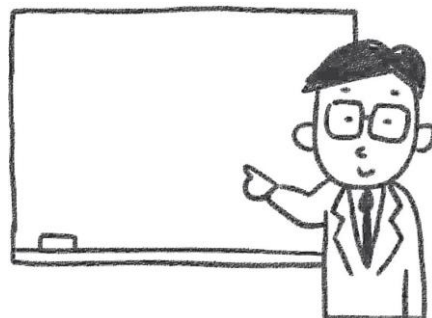
えいご こくご すうがく ちゅうしょく めんせつ じゅんぱん  
(英語、国語、数学、昼食、面接の順番です。)

めんせつ しけん ひ こご  
★面接は試験の日の午後にあります。

かもく しけん じかん ぶん  
※1 科目の試験の時間は 50 分です。

ひるやす ちゅうしょくわす  
※お昼休みがあります。昼食を忘れずに！

さんこうしりょう いばらきけんたうがくこくとうがくこうがくしゃせんぱつじしよさいせく  
参考資料：茨城県教育委員会「令和5年度茨城県立高等入学選抜実施細則」など



	ZENNICHI Loại hình bán trú	TEIJI Loại hình giờ cố định	
Đối tượng ứng tuyển	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	Những người đã tốt nghiệp cấp 2 của Nhật Bản hoặc sẽ tốt nghiệp vào tháng 3 năm 2024. Hoặc những người đã tốt nghiệp (hoàn thành) chương trình học 9 năm ở nước ngoài, hay sẽ tốt nghiệp (hoàn thành) vào tháng 3 năm 2024.
	<input type="radio"/>	<input type="checkbox"/>	Những người cùng sống chung với người giám hộ ở trong tỉnh Ibaraki
	<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	Những người có nơi sống hoặc nơi làm việc ở tỉnh Ibaraki
	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<b>Công dân nước ngoài đã ở Nhật Bản dưới 3 năm sau khi nhập cảnh vào Nhật Bản.</b> ★Trên nguyên tắc, không sống ở Nhật quá 3 tháng cho đến ngày 1 tháng 3 năm 2024.
	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	Người không đăng ký dự thi ở các trường công lập khác trong kì thi tuyển chọn năm 2024.

※Thông tin chi tiết hãy liên hệ với giáo viên hướng dẫn.

Ngày có  
kết quả

Thứ ba, ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đồ vật  
mang  
theo

(Cần thiết phải mang) Phiếu dự thi, bút chì, tẩy, compa, thước đo góc vuông, cơm trưa, Uwabaki  
(Có thể mang) Văn phòng phẩm như Shitajiki hay gọt bút chì  
(Nên mang) Đồng hồ (Không có tính năng tính toán hoặc tra từ)

※Có thể sử dụng bút chì bấm.  
※Không được mang điện thoại vào phòng thi.

※Thí sinh sẽ dự thi 3 môn và phỏng vấn trong 1 ngày.(Thi bắt đầu từ 9h20)

(Thi theo thứ tự tiếng Anh, tiếng Nhật, toán, ăn trưa, phỏng vấn)

★Phỏng vấn sẽ vào buổi chiều.

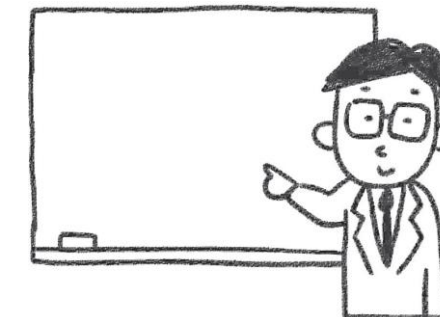
※Thời gian thi có 1 môn là 50 phút.

※Sẽ có nghỉ trưa nên các thí sinh đừng quên mang cơm trưa.

Tài liệu tham khảo: Ủy ban giáo dục tỉnh Ibaraki

"REIWA 4NENDO IBARAKI KENRITSU KOTO GAKKO NYUGAKUSHA SENBATSU JISSHI SAISOKU"

"Quy định chi tiết về việc thực hiện tuyển chọn đầu vào Trung học phổ thông các trường công lập tỉnh Ibaraki năm 2023"



しりつこうこうにゅうし  
▼私立高校入試について

しりつこうこう とくちょう  
私立高校の特徴は

- 各学校によって特徴があります。
- 学校によって、学科、コース、クラスが大きく異なります。
- 大学附属高校の場合は、その大学に進学を考えている生徒にとって入学しやすいことがあります。
- 部活動に力を入れている学校も多く、スポーツ、文化、芸術などに積極的に取り組みたい生徒にとってメリットがあります。（「特待生」「推薦」など学力以外の才能を生かして高校受験できる場合もあります。）
- 茨城県内に住んでいる生徒だけではなく、他の県から来ている学生もいます。
- 茨城県に住んでいる生徒が、県外にある私立の高校を受験することも可能です。
- 学費やその他、学校にかかる金額が公立高校より、一般的に高い場合が多いです。

各学校、個性が豊かなので、茨城県私学フェア（毎年6、7月に開催していることが多いです）に参加したり、学校見学に積極的に参加して学校の雰囲気、勉強の内容や特色などをよく知ることも大切です。



茨城県私学フェアに関しては

<http://www.ibaraki-shigaku.jp>

で検索できます。



しりつこうこうじゅけん にってい  
私立高校受験の日程について：

- 茨城県では多くの学校の試験日は1月です。出願の期間は12月のところが多いです。
- 学校によって受験日が異なります。よく確認しましょう。
- 試験の日が違う場合はいくつかの学校の試験を受けることが可能です。（単願受験の場合はできません。）

▼Kì thi nhập học trường dân lập

Đặc điểm của kì thi:

- Tùy vào mỗi trường sẽ có đặc trưng riêng
- Chương trình học, khoá học, lớp học có sự khác biệt lớn tùy theo trường.
- Trong trường hợp trường học trực thuộc trường đại học, với những thí sinh có nguyện vọng vào trường đại học đó sẽ dễ dàng được nhận.
- Có nhiều trường tập trung cho các hoạt động hội nhóm nên những thí sinh có cố gắng tích cực về nghệ thuật, thể thao, văn hoá thì sẽ có lợi thế (Cũng có trường hợp thí sinh được dự thi nhờ tài năng đặc biệt thông qua tiến cử, thí sinh được biệt đãi)
- Không chỉ học sinh sống ở tỉnh Ibaraki mà còn có những học sinh từ vùng khác.
- Những học sinh sinh sống trong tỉnh Ibaraki cũng có thể đăng ký dự thi ở các trường ngoài tỉnh.
- Hầu hết đều có học phí, tiền học cao hơn trường công lập.

Mỗi trường có sự đa dạng đặc trưng khác nhau nên việc hiểu rõ về nội dung học, đặc trưng trường, môi trường thông qua việc tham gia hội thảo các trường dân lập tỉnh Ibaraki (Hầu hết tổ chức vào tháng 6, tháng 7 hằng năm) hay tham gia tham quan trường là rất quan trọng.



Thông tin về hội thảo các trường dân lập tỉnh Ibaraki có thể tham khảo ở trang web

<http://www.ibaraki-shigaku.jp>



Về lịch thi trường dân lập:

- Hầu như lịch thi của trường trong tỉnh Ibaraki là vào tháng 1. Thời gian nộp hồ sơ hầu như sẽ là vào tháng 12.
- Tùy vào mỗi trường thì lịch thi sẽ khác nhau nên hãy kiểm tra thật kỹ.
- Trong trường hợp lịch thi khác nhau thì có thể dự thi nhiều trường. (Dự thi tanganan thì không thể.)

れいわ ねんどういばらきけんりつこうとうがっこう ぜんにちせい ていじせい にゅうかくしゃせんぱつにっぴょう  
 ▼令和6年度茨城県立高等学校（全日制・定時制）入学者選抜日程表

2月		3月	
1	もくようび 木	1	きんようび 金
2	きんようび 金	2	とようび 土
3	とようび 土	3	にちようび 日
4	にちようび 日	4	げつようび 月
5	げつようび 月	5	かようび 火
6	かようび 火	6	すいようび 水
7	すいようび 水	7	もくようび 木 ついでけんさ がくりよくけんさ 追検査（学力検査）
8	もくようび 木	8	きんようび 金 ついでけんさ じつぎけんさとう 追検査（実技検査等）
9	きんようび 金	9	とようび 土
10	とようび 土	10	にちようび 日
11	にちようび 日 けんこくきねんび 建国記念日	11	げつようび 月
12	げつようび 月 ふりかえきゅうじつ 振替休日	12	かようび 火 ごうかくしゃ はっぴょう 合格者の発表
13	かようび 火	13	すいようび 水 だいにじほしゅうしゅつがんきかん 第2次募集出願期間
14	すいようび 水	14	もくようび 木 だいにじほしゅう しゅつがん ひと (第2次募集に出願する人のみ)
15	もくようび 木	15	きんようび 金 だいにじがくりよくけんさ 第2次学力検査
16	きんようび 金	16	とようび 土
17	とようび 土	17	にちようび 日
18	にちようび 日	18	げつようび 月
19	げつようび 月	19	かようび 火 だいにじごうかくしゃ はっぴょう 第2次合格者の発表
20	かようび 火	20	すいようび 水 しゅんぶんび 春分の日
21	すいようび 水	21	もくようび 木
22	もくようび 木	22	きんようび 金
23	きんようび 金 てんのう たんじゅうび 天皇誕生日	23	とようび 土
24	とようび 土	24	にちようび 日
25	にちようび 日	25	げつようび 月
26	げつようび 月	26	かようび 火
27	かようび 火	27	すいようび 水
28	すいようび 水 いっぱんにゅうがくがくりよくけんさ 一般入学生力検査	28	もくようび 木
29	もくようび 木 いっぱんにゅうがくとくしよくせんぱつめんせつとう じつぎけんさ 一般入学特色選抜面接等、実技検査	29	きんようび 金
		30	とようび 土
		31	にちようび 日

にゅうがくがんしよ ちょうさしよ ていしゅつ がつ にち ゆうそう ばあい がつ にち だ  
 ※入学願書・調査書の提出は2月9日までです。郵送する場合は2月8日までに出さなくてははいけません。

ちよくせつがっこうとど ばあい うけつけしかん じ じ  
 直接学校に届ける場合、受付時間は9時から16時までです。最終日は12:00までです。

にほん ちゅうがっこう そつぎょう そつぎょう よてい ひと ちゅうがっこう つつ しゅつがん  
 日本の中学校を卒業したか、卒業する予定の人は、中学校を通じて出願します。

ひつよう しよるい じゅんび ほごしよ がっこう せんせい かくにん ようい  
 必要な書類の準備は保護者と学校の先生とよく確認しながら用意しましょう！

▼Lịch thi kì nhập học năm 2023 của các trường công lập tỉnh Ibaraki (Loại hình bán trú và giờ cố định)

Tháng 2		Tháng 3	
1	Thứ 5	1	
2	Thứ 6	2	
3	Thứ 7	3	Thứ 6
4	chủ nhật	4	Thứ 7
5	Thứ 2	5	chủ nhật
6	Thứ 3	6	Thứ 2
7	Thứ 4	7	Thứ 3
8	Thứ 5	8	Thứ 4
9	Thứ 6	9	Thứ 5
10	Thứ 7	10	Thứ 6
11	chủ nhật	11	Thứ 7
12	Thứ 2	12	chủ nhật
13	Thứ 3	13	Thứ 2
14	Thứ 4	14	Thứ 3
15	Thứ 5	15	Thứ 4
16	Thứ 6	16	Thứ 5
17	Thứ 7	17	Thứ 6
18	chủ nhật	18	Thứ 7
19	Thứ 2	19	chủ nhật
20	Thứ 3	20	Thứ 2
21	Thứ 4	21	Thứ 3
22	Thứ 5	22	Thứ 4
23	Thứ 6	23	Thứ 5
24	Thứ 7	24	Thứ 6
25	chủ nhật	25	Thứ 7
26	Thứ 2	26	chủ nhật
27	Thứ 3	27	Thứ 2
28	Thứ 4	28	Thứ 3
29	Thứ 5	29	Thứ 4
		30	Thứ 5
		31	Thứ 6

※Hạn nộp phiếu Chosasho và đơn ứng tuyển là 9/2. Trong trường hợp gửi bưu điện thì phải gửi trước ngày 8/2.

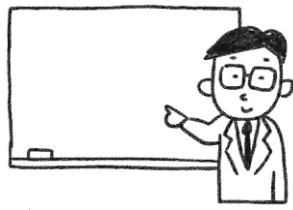
Trong trường hợp đến tận trường nộp, thời gian nhận hồ sơ là từ 9 giờ tới 16 giờ. Ngày cuối cùng là đến 12:00.

Những thí sinh đã hoặc sẽ tốt nghiệp cấp 2 sẽ nộp thông qua trường cấp 2.

Hãy xác nhận kỹ với giáo viên và người bảo hộ để chuẩn bị đầy đủ hồ sơ cần thiết.

IV. 入学試験をうける外国人生徒へのアドバイス!

ひっけん 必見!



外国籍生徒の受験に関して、私が国際学級を担任していた経験を基にアドバイスします。まず、必ず課題として挙げられるのが、読む力と書く力だと感じました。この2つの力をつけるためには、作文や日本語の本を読むことなどを継続してやっていく必要があります。話す作業は、流暢にできる子でも、書く、読む力がない子がたくさん見られました。逆に本が好きな生徒は、滞在歴に関係なく、文章を書く力も、語彙も増えていく傾向がありましたので本を読むことをお勧めします。次に、自分の苦手な教科、得意な教科を知る事が重要になってきます。外国籍生徒に多く見られたのが、計画的に進める事が苦手な子が多かったように感じます。どの教科でどれくらい取れるのか、また、どういった問題で間違いが出ているか分析し、勉強していく事が必要になると思います。頑張った分だけ力になります! 応援しています。

市立中学校国際学級担当 K先生

先輩からのアドバイス

イニシャル H  
つながりのある国 フィリピン、日本  
中学校名 常総市立水海道中学校  
高校名 いばらぎけんりつみつかいどうだいにこうとうがっこう 茨城県立水海道第二高等学校

イニシャル A  
つながりのある国 パキスタン  
中学校名 常総市立立石下西中学校  
高校名 いばらぎけんりつりつしげしほうこうとうがっこう 茨城県立立石下紫峰高等学校

1. なぜその高校に決めましたか?

Hさん: 自分の夢でもあり、大学進学をかなえることができると思ったからです。 Aさん: なし

2. 受験方法は何ですか? (一般入学、外国人生徒の特例入学者選抜)

Hさん: 外国人生徒の特例入学者選抜。 Aさん: 一般入学です。

3. いつから、受験を意識して勉強を始めたか?

Hさん: 中学3年生の冬くらいからです。夏休みからした方がいいと思います。冬休みからするととても大変です。 Aさん: 3年生になってからです。

4. どんな勉強をしましたか?

Hさん: 数学がにがてなので、数学の基礎の問題をたくさん解きました。

Aさん: 日本語を頑張っていました。

5. 受験で一番大変だったことは何ですか?

Hさん: 漢字を覚えることです。漢字は似ている字が多くて、覚えるのが大変でした。

Aさん: あまり大変じゃなかったです。一生懸命勉強したからです。

6. 受験にむけて何を一番がんばりましたか?

Hさん: 面接です。自分のおもいを伝えるためにがんばりました。

Aさん: 体調をきちんとすることです。

7. お父さんやお母さんは受験のときどうやってあなたをサポートしてくれましたか?

Hさん: 勉強にたいしてプレッシャーを与えることなく、かげでみまもってくれました。

Aさん: お父さんお母さんは、わたしがわからなかったところもとてもよく教えてくれました。

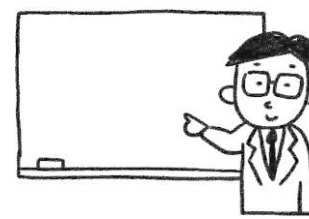
8. 先輩へのアドバイス

Hさん: 大変なこともあります、自分らしく、一步一步進んでいってください。

Aさん: みんなも、一生懸命勉強をがんばるとできるよ。

IV. Lời khuyên dành cho thí sinh nước ngoài

Cần xem!



Tôi xin đưa ra lời khuyên dành cho các thí sinh nước ngoài dựa trên kinh nghiệm phụ trách học sinh quốc tế của tôi. Đầu tiên, tôi nghĩ rằng một trong những vấn đề cần lưu ý đó là năng lực đọc và viết. Để có thể nâng cao hai năng lực này thì cần liên tục viết văn và đọc thật nhiều sách Nhật. Có nhiều bạn có thể nói được tiếng Nhật lưu loát nhưng lại không thể đọc và viết. Ngược lại, có những bạn rất thích đọc sách, không tính thời gian ở Nhật, những bạn ấy đều có xu hướng năng lực viết văn và số lượng từ vựng tăng. Vì thế tôi nghĩ đọc sách thật sự rất cần thiết.

Tiếp theo, việc biết được mình giỏi môn gì, không giỏi môn gì cũng là điều cần thiết. Tôi cảm thấy có vẻ có nhiều học sinh nước ngoài không giỏi thực hiện công việc một cách có kế hoạch. Việc xác định môn nào học trong bao lâu, hay đang gặp lỗi sai ở bài tập nào để có thể học cũng rất quan trọng. Có cố gắng nỗ lực sẽ có hiệu quả. Tôi luôn ủng hộ các bạn.

Cựu phụ trách phòng quốc tế Trung học cơ sở Giáo viên K

Lời khuyên từ anh chị đi trước:

Chữ cái đầu của tên: H  
Xuất thân Phi líp pin và Nhật  
Trường cấp 2 Trường Công lập Mitsukaido thuộc thành phố Joso  
Trường cấp 3 Trường Công lập Mitsukaido Daini thuộc tỉnh Ibaraki

Chữ cái đầu của tên: A  
Xuất thân Pakistan  
Trường cấp 2 Trường Công lập Ishige-nishi thuộc thành phố Joso  
Trường cấp 3 Trường Công lập Ishige Shiho thuộc tỉnh Ibaraki

1. Tại sao bạn lại chọn học trường cấp 3 này?

H: Vì đây là mơ ước của bản thân và mình nghĩ nếu đi học thì sẽ có thể học lên đại học.

A: Không có.

2. Bạn đã dự thi bằng phương thức nào? (Dự thi thông thường, dự thi đặc cách dành cho người nước ngoài)

H: Tuyển chọn đặc cách dành cho học sinh nước ngoài.

A: Dự thi thông thường

3. Bạn bắt đầu quyết tâm học để thi từ khi nào?

H: Khoảng từ mùa đông năm thứ 3 trung học. Nhưng mình nghĩ nên học từ khi nghỉ hè. Nếu học từ kỳ nghỉ đông thì sẽ hơi vất vả.

A: Bắt đầu từ năm thứ 3.

4. Bạn đã học như thế nào?

H: Bởi vì mình không giỏi toán nên mình đã học thật nhiều kiến thức cơ bản của toán.

A: Mình đã cố gắng học tiếng Nhật.

5. Điều gì là vất vả nhất?

H: Việc nhớ kanji. Có rất nhiều kanji giống nhau nên để nhớ thì rất vất vả.

A: Cũng không vất vả lắm. Vì đã học rất chăm chỉ.

6. Bạn đã cố gắng nhất điều gì cho kì thi?

H: Đó là phỏng vấn. Mình đã cố gắng để truyền tải những gì bản thân đang suy nghĩ.

A: Đó là giữ gìn sức khoẻ

7. Bố mẹ đã hỗ trợ như thế nào trong việc thi cử của bạn?

H: Bố mẹ không tạo áp lực lên việc học mà luôn chăm lo từ phía sau.

A: Bố mẹ thường hay chỉ cho mình những chỗ mình không hiểu.

8. Bạn có lời khuyên gì dành cho Kohai

H: Mặc dù sẽ vất vả nhưng hãy cứ là mình, từng bước từng bước tiến lên.

A: Nếu các bạn cố gắng học tập thì nhất định sẽ làm được.

V. 入試に関するスケジュール

▼中学3年生の一年

がっき 1学期	7月	さんしゃめんだん ★三者面談
	7~8月	こうこうけんがく ★高校見学 しりつこうこうせつめい 私立高校説明会
がっき 2学期	10月	ちゅうかんとすと 中間テスト けんりつこうこうせつめい 県立高校説明会 しんろきぼうちようさ 進路希望調査
	11月	けんがかりよくしんだんとすと 県学力診断テスト さんしゃめんだん ★三者面談 きまつたとすと 期末テスト
がっき 3学期	1月	さんしゃめんだん 三者面談
	1~2月	がくねんまつたとすと 学年末テスト しりつこうこうけん 私立高校受験 けんりつにゅうがくがんしよ ★県立入学願書 ちようさしよていしゆつ 調査書提出
	3月	けんりつせんぱつしけん ★県立選抜試験 そつぎようしき 卒業式 ごうかくはひよう 合格発表



さんしゃめんだん  
三者面談？  
せんせい ほごしゃ せいと にん はな あ  
先生、保護者、生徒の3人で話し合ってください。  
かなら さんか  
必ず参加しましょう！

おーぶんきゃんぱす かぞく いっしょ さんか  
オープンキャンパスにぜひ家族と一緒に参加してみよう！  
ばんふれっと がっこう ぶんいき じっさい  
パンフレットなどではわからない、学校の雰囲気を実際に  
かん  
感じてみよう！  
さいてい こう み い  
最低2校は見に行くといいですよ。  
こうこうけんがく せつめい こ いっしょ さんか  
★ 高校見学や説明会はお子さんと一緒にぜひ参加してください！  
こ ゆめ し  
★ お子さんの夢を知っていますか？  
ため しんろ  
その為にはどんな進路をとればいいのでしょうか？  
こ はな あ  
お子さんとしっかり話し合ってください。わからないこと  
さんしゃめんだん せんせい しつもん  
は三者面談で先生に質問をしましょう。

けん なか じぶん なんばん だいじ すと  
県の中で自分が何番かわかる大事なテストです。

★ この 11 月の三者面談で受験する私立を決定します

ちようさしよ かか だいじ しけん  
調査書に関わる大事な試験です。

★ 私立の受験です。そして私立の受験の結果がでる時期です。

★ 県立も受ける人は、受験する学校の最終決定をする時期です！

けんりつがっこう しぼうさき へんこう じき いかい ちゃんす  
★ 県立学校の志望先を変更できる時期です。一回だけのチャンス  
がっこう せんせい ほごしゃ そうだん き  
なので、学校の先生や保護者とよく相談して決めましょう。

けんりつ じゆけん  
★ 県立の受験です！  
にじほしゅう かん し ひと ごうかくはひようご がっこう せんせい  
二次募集に関して知りたい人は合格発表後すぐに学校の先生  
そうだん  
に相談しよう。

V. Lịch liên quan đến kì thi nhập học

▼ Một năm của học sinh năm 3

Học kì 1	~Tháng 7	★ SANSHA MENDAN
	Tháng 7 ~ 8	★ Tham quan trường cấp 3 Các buổi giới thiệu trường dân lập
Học kì 2	Tháng 10	Thi giữa kì Các buổi giới thiệu trường công lập Khảo sát nguyện vọng tương lai
	Tháng 11	Kiểm tra lực học trong tỉnh ★ Sansha mendan Kiểm tra cuối kì
Học kì 3	Tháng 1	SANSHA MENDAN
	Tháng 1 ~ 2	Tra cuối năm Dự thi trường dân lập ★ Nộp đơn xin nhập học trường công lập Nộp Chosasho
	Tháng 3	★ Kì thi tuyển chọn trường công lập Lễ tốt nghiệp Công bố kết quả



“Sansha mendan” là gì  
Đó là buổi nói chuyện giữa 3 phía là giáo viên, học sinh và phụ huynh.  
Nhất định các bạn hãy tham dự!

Nhất định phải cùng gia đình tham gia những buổi tham quan trường học! Hãy đến thử cảm nhận không khí thật sự của trường, những điều không thấy được qua những tờ rơi quảng cáo! Nên đi ít nhất 2 trường.

★ Phụ huynh hãy cùng con em mình đi đến những buổi tham quan và giới thiệu của trường!

★ Phụ huynh có biết ước mơ của con mình là gì không?

Và để thực hiện ước mơ đó thì cần phải đi lộ trình như thế nào thì tốt? Hãy trao đổi thẳng thắn với con mình. Nếu không rõ, hãy hỏi giáo viên ở buổi Sansha mendan.

Bài kiểm tra quan trọng để biết mình nằm ở vị trí nào trong số học sinh trong tỉnh.

★ Học sinh cần phải quyết định trường dân lập sẽ đăng ký dự thi ở buổi Sansha mendan tháng 11 này.

Kì thi quan trọng liên quan đến CHOSASYO.

★ Kì thi vào trường dân lập. Và đây là thời gian có kết quả dự thi trường dân lập.

★ Đây cũng là thời gian quyết định trường dự thi cuối cùng dành cho những thí sinh dự thi trường công lập.

★ Đây là thời gian thay đổi nguyện vọng trường công lập. Bởi vì chỉ có 1 lần duy nhất nên hãy trao đổi với giáo viên hoặc phụ huynh thật kỹ rồi hãy quyết định.

★ Dự thi trường công lập!

Những thí sinh muốn biết thêm thông tin về kỳ tuyển sinh đợt 2, hãy đến trao đổi với giáo viên ngay sau khi có kết quả.

ちょうさしよ ないしんしよ  
▼調査書（内申書）について

ちょうさしよ ちゅうがっこう せんせい さくせい じゅけん こうこうていしゅつ  
調査書は中学校の先生によって作成され、受験する高校に提出されます。

にゅうがくしゃせんぱつ つか たいせつ しりょう  
入学者選抜で使われる大切な資料のひとつです。

ちゅうがっこう ねんかん がくしゅう ひょうか  
中学校3年間の学習が1～5で評価  
されます。

ないしんてん  
(内申点とよばれることがあります。)

がっこう せいかつ きろく  
学校でみんながどういった生活をしているのかが記録

されます。○が多いほうがいいですよ。思いやりや、  
きょうりょく せいかつしゅうかん ひび せいかつ かん きろく  
協力、生活習慣など、日々の生活に関する記録です。

1つ1つ責任感をもって行動しましょう。

小さな積み重ねがポイントになります！

様式第9号 平成25年度 茨城県立

ふりがな 生徒 氏名	性別	生月 日	卒業 年月日	昭和 平成	卒業見込 年月日	卒業
現住所 〒 -						
教科	観点別学習状況		評定		総合的な学習の時間の記録	
	観点	3年	1年	2年	3年	項目
国語	関心・意欲・態度					基本的な生活習慣
	話す・聞く能力					健康・体力の向上
	書く能力					自主・自律
	読む能力					責任感
	知識・理解・技能					創意工夫
社会	関心・意欲・態度					特別活動の記録
	思考・判断・表現					内容
	資料活用の技能					1年
	知識・理解					2年
数学	関心・意欲・態度					3年
	見方や考え方					学級活動
	数学的な技能					生徒会活動
	知識・理解					学校行事
理科	関心・意欲・態度					生命尊重・自然愛護
	思考・表現					勤労・奉仕
	観察・実験の技能					公正・公平
	知識・理解					公共心・公徳心
音楽	関心・意欲・態度					特別活動に関する事実及び所見
	表現の創意工夫					部活動・特技等の記録
	表現の技能					
	鑑賞の能力					
美術	関心・意欲・態度					
	発想や構想の能力					
	創造的な技能					
	鑑賞の能力					
保健体育	関心・意欲・態度					欠席日数
	思考・判断					1年
						2年
						その他の事項

がっこうないかい すほーつ かつどう ぶかつ がっこうがい すほーつくらぶ  
学校内外におけるスポーツ活動（部活や学校外でのスポーツクラブ  
など）や文化活動、ボランティア活動等について記入されます。  
こうてききかん しかくにんてい きろく きにゅう  
公的機関による資格認定などの記録があれば記入されます。

えいご とくい せいと えいけん ちょうせん  
英語が得意な生徒は英検などに挑戦してみたらどうでしょうか？  
え とくい せいと こんくーる さくひん だ  
絵が得意な生徒はコンクールなどに作品を出してみましょう！

印

印

(A4判)

▼ Về CHOSASYO (Hồ sơ cá nhân / Hồ sơ giáo dục)

Chosasho sẽ được cấp phát bởi giáo viên trường cấp 2 và dùng để nộp cho trường cấp 3 mà mình dự thi.  
Đây là một trong những tài liệu rất quan trọng được sử dụng để tuyển chọn đầu vào.

Tài liệu này đánh giá việc học tập trong 3 năm cấp 2 từ thang điểm 1 đến 5. (Thang điểm này còn được gọi là Naishin ten.)

Những hoạt động trong trường học của các học sinh cũng sẽ được ghi chú lại. Càng nhiều dấu ○ thì càng tốt. Đây là sổ ghi chú lại những hoạt động thường ngày như thói quen sinh hoạt, sự hợp tác, sự thông cảm thấu hiểu...  
Vì thế hãy suy nghĩ kỹ và hành động, tích tiểu thành đại.

様式第9号 平成25年度 茨城県立

ふりがな 生徒 氏名	性別	生月 日	卒業 年月日	昭和 平成	卒業見込 年月日	卒業
現住所 〒 -						
教科	観点別学習状況		評定		総合的な学習の時間の記録	
	観点	3年	1年	2年	3年	項目
国語	関心・意欲・態度					基本的な生活習慣
	話す・聞く能力					健康・体力の向上
	書く能力					自主・自律
	読む能力					責任感
	知識・理解・技能					創意工夫
社会	関心・意欲・態度					特別活動の記録
	思考・判断・表現					内容
	資料活用の技能					1年
	知識・理解					2年
数学	関心・意欲・態度					3年
	見方や考え方					学級活動
	数学的な技能					生徒会活動
	知識・理解					学校行事
理科	関心・意欲・態度					生命尊重・自然愛護
	思考・表現					勤労・奉仕
	観察・実験の技能					公正・公平
	知識・理解					公共心・公徳心
音楽	関心・意欲・態度					特別活動に関する事実及び所見
	表現の創意工夫					部活動・特技等の記録
	表現の技能					
	鑑賞の能力					
美術	関心・意欲・態度					
	発想や構想の能力					
	創造的な技能					
	鑑賞の能力					
保健体育	関心・意欲・態度					欠席日数
	思考・判断					1年
						2年
						その他の事項

Những hoạt động hội nhóm cũng sẽ được ghi lại.

Đây là phần ghi lại những hoạt động như là tình nguyện, hoạt động văn hoá, hoạt động thể thao trong và ngoài trường học. Nếu như có những thành tích chứng nhận về năng lực, bằng cấp được cấp phát bởi cơ quan nhà nước thì cũng sẽ được ghi lại. Những bạn giỏi tiếng Anh thì sao các bạn không tự thử thách bản thân mà đăng ký dự thi kì thi tiếng Anh Eiken? Hay những bạn giỏi vẽ hay thử nộp sản phẩm cho các kì thi.

印

印


(A4判)



わたし ぼく しんろ  
VI. 私、僕の進路について

みんなはどうやって進路を決めているのかな。いろいろな例を見てみよう。

Aさんの例



こうこう そつぎょう にほん だいがく い おも  
高校を卒業したら、日本の大学に行きたいと思っています。  
しょうらいなに  
将来何になりたいのかまだはっきりとわかりません。  
こうこう いえ ちか こうこう い おも  
高校は家から近い高校に行きたいと思っています。(Aさん)

にほん だいがく い ばあい こうこうそつぎょう ひつよう  
日本の大学に行きたい場合には、高校卒業が必要です。  
がっか  
学科はいろいろありますが、まだはっきりと将来何になりたくて、何を大学で勉強したいか決まっていない場合、  
ふつうか べんきょう ほうほう  
普通科でしっかり勉強していく方法がありますね。  
いえ ちか こうこう い かんが つうがくきょり かんが たいせつ  
家から近い高校に行こうと考えている Aさん。通学距離を考えることも大切ですね。

そして Aさんは?

- 家から近い普通科のある県立高校、私立高校を探した。
- 大学に行くことを考えているので、卒業後に大学に進学している生徒が多い学校を探した。
- オープンキャンパスなどに参加し、雰囲気が好きだった学校が私立が1校、県立では2校あった。
- 県立は1校しか受験できないので、先生と親に相談し、1校を選んだ。

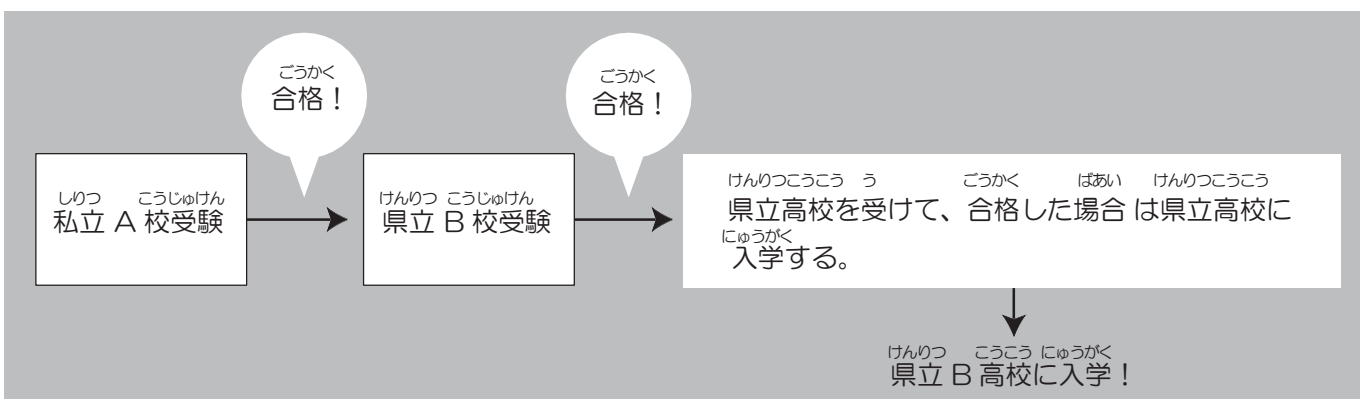
そして

しりつ こう けんりつ こう へいがん じゅけん き  
私立1校と県立1校の併願で受験することに決めた。

?

へいがん だいいちしぼう がっこういっこう ほか こうこう じゅけん  
併願とは? 第一志望の学校一校だけでなく、他の高校も受験すること。

たんがん ごうかく こうこう じゅけん やくそく じゅけん  
単願とは? 合格したら、ほかの高校を受験しない約束をして受験すること。  
しりつこうこう  
おもに私立高校でおこなわれる。



VI. Con đường tôi đi

Mọi người lựa chọn cho con đường tương lai của mình như thế nào?  
Hãy cùng xem các trường hợp dưới đây.

Trường  
hợp bạn A



Sau khi tốt nghiệp cấp 3, tôi muốn học lên đại học của Nhật.  
Tôi chưa biết rõ trong tương lai mình muốn làm nghề gì.  
Tôi muốn học ở trường cấp 3 gần nhà.

(Anh A)

Nếu bạn muốn vào học tại trường đại học ở Nhật Bản, bạn cần phải tốt nghiệp trung học phổ thông. Có rất nhiều khoa khác nhau, nhưng nếu bạn vẫn còn chưa quyết định về những gì bạn muốn làm gì trong tương lai hay bạn chưa quyết định muốn học gì ở trường đại học, thì bạn hãy cố gắng học tốt các môn học chung.  
Anh A đang có dự định đi học trường cấp 3 gần nhà. Vậy thì việc quan trọng là phải tính toán đến khoảng cách đến trường.

Vậy thì bạn A làm gì?

- A đã tìm những trường công lập, dân lập có chương trình học thông thường gần nhà.
- A đã tìm những trường có những học sinh sau khi tốt nghiệp sẽ học lên đại học, bởi vì muốn học lên đại học.
- A tham gia những buổi tham quan trường và chọn ra trường 1 trường dân lập và 2 trường công lập mà bạn ấy thấy thích và hợp.
- Bởi vì chỉ được đăng ký dự thi 1 trường công lập nên bạn ấy đã trao đổi với giáo viên và bố mẹ rồi chọn ra 1 trường.

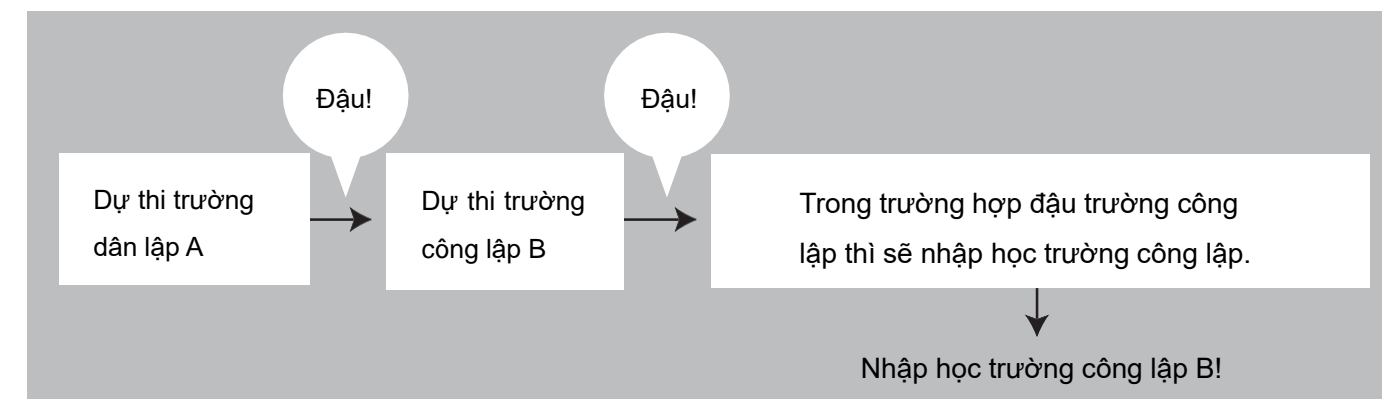
Và....

Bạn ấy đã quyết định dự thi Heigan 1 trường công lập và 1 trường dân lập.

?

Heigan là gì? Heigan là việc dự thi không chỉ 1 trường mà có thể dự thi các trường khác.

Tangan là gì? Là nếu đậu thì không được dự thi các trường khác. Thường chủ yếu sẽ có ở trường các dân lập.



**Bくんの例**

ぼく はや はたら 働く 早く 働きたいな。 どんな 仕事を したいのかは わからないけど、 でも 高校 に行った ほうが 将来 働く 場所 や 仕事 の 種類 が 多くなる 事は わかってるから、 高校 に行こう と思ってる。

はたら 働きたいけれど、 高校 に行きたい。 どうしたら いいのか、 わからないよ。(Bくん)

はたら 働 きながら、 高校 に行く のは 可能 です。 その 場合 は 定時制 や 通信制 の ある 学校 を 探 してみよう。

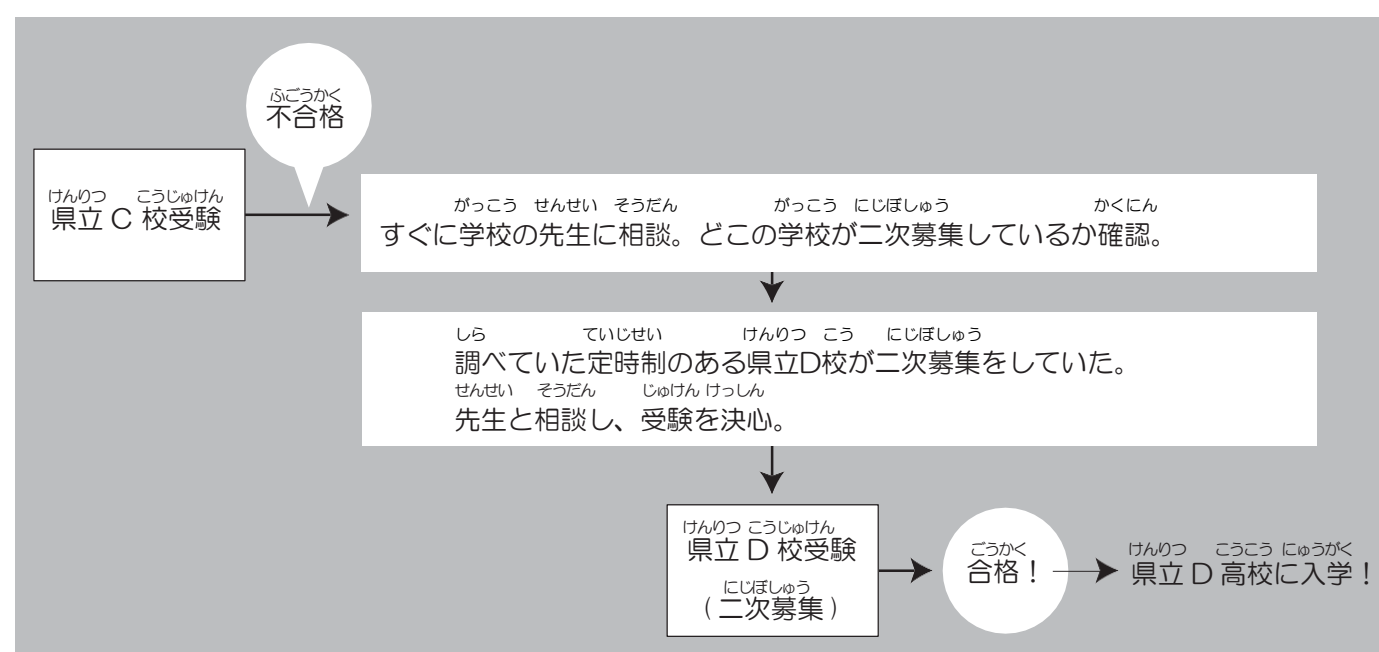
Bくん は どんな 仕事 を したい のか わからない けれど、 例 えば 商業 に関する 学科 が ある 学校 の 場合、 資格 を とる こと も 可能 な こと が あり ます。 経済 的に 大変 な 場合 は 定時制 に 通 っている 生徒 が 県 から 援助 を 受け られる こと も あり ます。 学校 の 先生 に 相談 してみよう。

そして Bくんは？

- 家 の 近く で 働 いて、 近く の 学校 に行きたい ので、 通学 可能 で 定時制 が ある 学校 を 探 した。
- 家 の 近く に 定時制 が ある 学校 は 2校 あったが、 1つ は 商業 科 が あり、 いろいろ な 資格 を 取る ため の サポート が ある こと が わかった。
- 経済 的に 大変 な ので、 奨学 金 を 探 して いた ところ、 茨城 県 から 定時制 に 通 う、 学費 の 援助 を 必要 と している 生徒 に 卒業 する こと で 返す 必要 が ない 奨学 金 が ある こと が 確認 できた。

そして

どちら の 学校 も 家 に 近い けれど、 働く とき に 役立つ 資格 を 取る ため の サポート が 受け られる 県立 高校 の 定時制 を 受験 する こと に。



Bくん は 第一 志望 の 県立 C 校 には 入れ なかった けど、 受験 校 を 決める 前 に 定時制 の ある 学校 について きちんと 調べて いたので、 二次 募集 の とき には D 高校 は どんな 学校 か わか っていた ね。 二次 募集 を 決め、 申し込 ぶ ま で に 時間 が ありません。 どの 学校 に行きたい のか 調べる とき には いろいろ な 学校 を 可能性 と して 考え ながら 調べる と いい ね。

**Trường hợp của bạn B**

Tôi muốn nhanh chóng đi làm. Tôi vẫn chưa biết mình muốn làm nghề gì. Nhưng tôi biết là nếu như học cấp 3 thì sự lựa chọn về nghề nghiệp trong tương lai sẽ phong phú hơn nên tôi muốn đi học cấp 3. Mặc dù muốn đi làm nhưng tôi cũng muốn đi học cấp 3. Vậy thì tôi phải làm sao?

(Anh B)

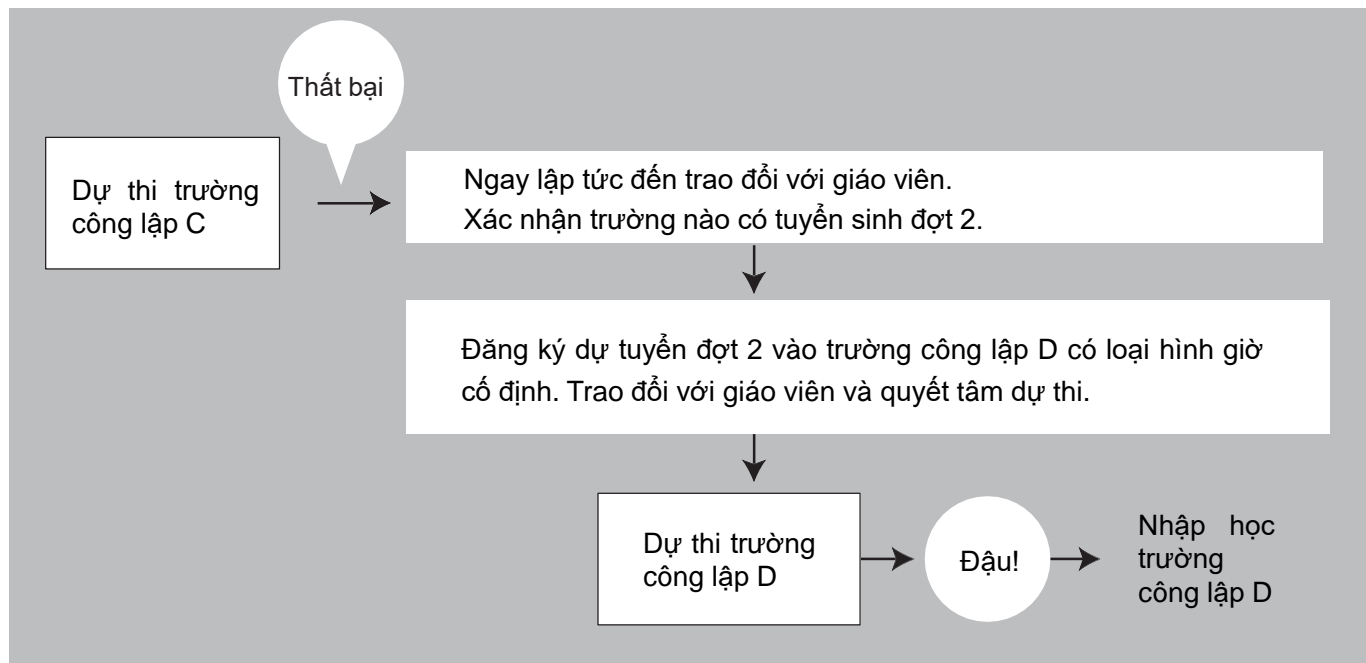
Bạn có thể vừa học vừa làm. Trong trường hợp đó thì hãy thử những trường có loại hình học giờ cố định hoặc học từ xa. Mặc dù bạn B chưa biết mình muốn làm gì những trong nếu là trường có chương trình học liên quan đến thương mại thì cũng có thể lấy bằng. Trong trường hợp khó khăn về tài chính, học sinh học trường loại hình giờ cố định thì có thể nhận hỗ trợ từ tỉnh. Hãy thử trao đổi với giáo viên.

Và bạn B?

- Vì muốn vừa đi làm gần nhà và đi học trường gần nhà nên bạn ấy đã tìm trường có loại hình học giờ cố định mà trong khoảng cách đi lại có thể.
- Có 2 trường gần nhà có loại hình đó, 1 là trường dạy về thương mại, và có hỗ trợ để lấy được nhiều loại chứng chỉ.
- Bởi vì gặp khó khăn về tài chính nên sau khi tìm học bổng thì đã xác nhận được là có học bổng hỗ trợ học phí từ tỉnh Ibaraki dành cho học sinh đi học loại hình giờ cố định mà không cần trả tiền lại.

Và...

Bạn ấy dự thi vào trường công lập có loại hình học giờ cố định, có hỗ trợ lấy chứng chỉ cần thiết khi đi làm dù rằng cả 2 trường đều gần nhà.



Bạn B không vào được nguyện vọng 1 là trường công lập C nhưng bởi vì đã tìm hiểu kỹ về trường có loại hình học giờ cố định nên vào kì tuyển sinh đợt 2 thì nắm rõ trường D là trường như thế nào. Vì thế không tốn thời gian để quyết định dự thi kỳ tuyển chọn đợt 2. Vậy nên lúc tìm trường thì càng tìm hiểu nhiều trường thì càng tốt nhỉ.

しょうがくきんとう  
VII. 奨学金等について

いばらきけん しょうがくきん  
茨城県の奨学金について

	公立・私立どちらでも利用できる		
なまえ 名前	いばらきけんこうとうがっこうていじせいかてい 茨城県高等学校定時制課程 および つうしんせいかていしゅうがくしょうれいしきん 通信制課程就学奨励資金	いばらきけんこうとうがっこうしょうがくしきん 茨城県高等学校等奨学資金	いばらきけんいけいしょうがくしきん 茨城県育英奨学資金
たいしょう 対象	いばらきけん ていじせい つうしんせいかこうとう 茨城県の定時制か通信制高等 がっこう べんきょう せいと がくひ 学校で勉強している生徒で学費 えんじょ ひつよう ひと の援助を必要としている人。 せいとほんにん しごと しゅう (生徒本人が仕事をしていて、収 にゅう き がく すく ひと 入が決まった額より少ない人)	いばらきけんない す ひと こうとうがっこう 茨城県内に住む人で、高等学校 こうとうせんもんがこう べんきょう か高等専門学校で勉強している せいと べんがくいはく けいざい 生徒。勉強意欲はあるが、経済 てき りゆう がっこう い たい 的な理由で学校へ行くことが大 へん ひと 変な人。	いばらきけんない す こうとうがっこう 茨城県内に住み、高等学校で べんきょう せいと べんきょう せい 勉強している生徒。勉強の成 せき よ ひと すぐ 績が良く、人としても優れて けいざいてき きび いるけれど、経済的に厳しく がっこう い たいへん ひと 学校へ行くのが大変な人 せいせき しょうとく きじゆん ※成績と所得の基準があります。
へんきん 返金	そつぎょう かね かえ 卒業すると、お金を返さなくて もいいです。	かね かえ お金を返さなくてはいけませんが、 りし 利子がありません。	かね かえ お金を返さなくてはいけませんが、 りし 利子がありません。
ほか 他の しょうがくきん 奨学金	ほか しょうがくきん 他の奨学金はもらえません。	ほか しょうがくきん 他の奨学金はもらえません。	ほか しょうがくきん 他の奨学金はもらえません。
しきゅうがく 支給額	つき えん 月に14,000円	じたく かよ ひと 自宅から通っている人 こうりつ つき えん (公立)月に18,000円 しりつ つき えん (私立)月に30,000円 じたくいがい かよ ひと 自宅以外から通っている人 こうりつ つき えん (公立)月に23,000円 しりつ つき えん (私立)月に35,000円	じたく かよ ひと 自宅から通っている人 こうりつ つき えん (公立)月に18,000円 しりつ つき えん (私立)月に30,000円 じたくいがい かよ ひと 自宅以外から通っている人 こうりつ つき えん (公立)月に23,000円 しりつ つき えん (私立)月に35,000円
もう こ 申し込み	かよ がっこう けん 通っている学校から県の こうこうきょういっか ていしゅう 高校教育課に提出します。	かよ がっこう けん こうこう 通っている学校から県の高校 きょういっか ていしゅう 教育課へ提出します。 まいとしこうしん ひつよう 毎年申請が必要です。	かよ がっこう そうだん 通っている学校に相談してくだ さい。

さんこう しょうがくきんじょうほう けんきょういっかいおこな しょうがくきん  
参考：奨学金情報 「県教育委員会で行っている奨学金」

<http://www.edu.pref.ibaraki.jp/board/gakkou/koukou/syogakukin/>



VII. Các loại học bổng

Các loại học bổng của tỉnh Ibaraki

	Có thể áp dụng cho trường công lập và dân lập		
Tên	"Ibaraki koto gakkō teijisei katei, Oyobi tsushinsei katei shugaku shourei shikin" Khóa học bán thời gian của trường trung học tỉnh Ibaraki cũng như Quỹ khuyến khích ghi danh khóa học tương ứng	Ibaraki ken koto gakkoto shogaku shikin Quỹ học bổng trung học tỉnh Ibaraki	Ibaraki ken IKUEI shogaku shikin Quỹ học bổng IKUEI của tỉnh Ibaraki
Đối tượng	Những học sinh đang theo học tại trường cấp 3 loại hình giờ cố định hoặc học từ xa của tỉnh Ibaraki và cần được hỗ trợ về mặt học phí. (Người đăng ký phải có công việc hoặc thu nhập thấp)	Những người sống ở tỉnh Ibaraki và đi học ở trường cấp 3 hoặc trung cấp nghề. Những người có nguyện vọng học tập nhưng lại khó khăn về kinh tế.	Người đang học tại trường cấp 3 và sống trong tỉnh Ibaraki. Có thành tích học tập tốt nhưng khó khăn về kinh tế. ※ Có tiêu chuẩn về thành tích học và thu nhập.
Hoàn tiền	Sau khi tốt nghiệp không cần hoàn tiền	Phải hoàn lại tiền nhưng không trả lãi.	Phải hoàn lại tiền nhưng không trả lãi.
Các loại học bổng khác	Không được nhận các loại học bổng khác	Không được nhận các loại học bổng khác	Không được nhận các loại học bổng khác
Kinh phí	1 tháng 14,000 yên	Những người đi học từ nhà (Công lập) 1 tháng 18,000 yên (Dân lập) 1 tháng 30,000 yên Những người đi học xa nhà (Công lập) 1 tháng 23,000 yên (Dân lập) 1 tháng 35,000 yên	Những người đi học từ nhà (Công lập) 1 tháng 18,000 yên (Dân lập) 1 tháng 30,000 yên Những người đi học xa nhà (Công lập) 1 tháng 23,000 yên (Dân lập) 1 tháng 35,000 yên
Đăng ký	Hồ sơ sẽ được trường đang theo học nộp cho Ban Giáo dục Trung học Phổ thông của tỉnh	Hồ sơ sẽ được trường đang theo học nộp cho Ban Giáo dục Trung học Phổ thông của tỉnh	Hãy trao đổi với của trường bạn theo học.

Tham khảo: Thông tin học bổng "Học bổng do hội đồng giáo dục tỉnh cấp"

<http://www.edu.pref.ibaraki.jp/board/gakkou/koukou/syogakukin/>



なまえ 名前	こうえきしんたく かとりっく まりあかい 公益信託 カトリック・マリア会 せんと じよせふ しょうがくいくえいきん セント・ジョセフ奨学育英基金	とくていひえいりかつどうほうじん ききん 特定非営利活動法人 JBC・CSR 基金
たいしょう 対象	けいざいてき めぐ かてい こうこうせい 経済的に恵まれない家庭の高校生	いっばんかく こうとうがっこう こうとうせんもんがっこう にゅうがく ひと 一般枠：高等学校や高等専門学校に入学する人や、 こうこう へんきょうちゅうひと 高校で勉強中の人
おつほしかく 応募資格	にほん こうとうがっこう へんきょう ひと こくせき と •日本の高等学校で勉強している人(国籍は問いません) けいざいてき こんなん がっこう い たいへん ひと •経済的に困難で、学校に行くのが大変な人。 た •その他	
へんきん きむ 返金の義務	かね かえ お金を返さなくてもいいです。	かね かえ じせたい こう お金を返さなくてもいいです。ただし、次世代の高 こうせい そつぎょう しゅうしやく しゅうにゅう あんてい 校生のために、卒業し、就職して収入が安定したら、 かぎ つぎつき まんえん きふ ねが できる限り月々1万円の寄付をお願いします。
ほか 他の しょうがくきん 奨学金	もらえます。 きょうだい しまい しょうがくきん う ばあい ★兄弟(姉妹)が奨学金を受けている場合は だめです。	
もうしこ 申込み	がっこうちょう とお 学校長を通して、 がっこうちょう すいせん もうしこ 学校長の推薦をもらって申込みをします。	いんたーねっと また おうぼとうろく インターネット又はFAXで応募登録をします。 もうしこ しょうい ゆうそう きにゆう ていしゅつ 申込みの書類が郵送されてくるので記入し提出し ます。
しきゅうがく 支給額	つき まんえん 月に2万円	つき まんえん 月に3万円
といあわ 問合せ	みついすみともしんたくぎんこう りてーる じゆたくぎょうむぶ 三井住友信託銀行 リテール受託業務部 こうえきしんたくぐーぷ まりあかいだんどう 公益信託グループ(マリア会担当) でんわ 電話：03-5232-8910 しんせいしゃ ちやくせつ といあわ ※申請者は直接、問合せはしないでください。 がっこう しょうがくきんだんどう ひと れんらく くだ 学校の奨学金担当の人が連絡して下さい。	とくていひえいりかつどうほうじん ききん 特定非営利活動法人 JBC・CSR 基金 でんわ 電話：090-5336-5236 <a href="http://www.jbc-csr-fund.org/scholarship.html">http://www.jbc-csr-fund.org/scholarship.html</a>

さんこう しょうがくきんせいどうこうえきしんたく かい しょうがくいくえいきん  
参考：奨学金制度公益信託カトリック・マリア会セント・ジョセフ奨学育英基金ホームページ  
[http://www.marianist.jp/sm/scholarship080425\\_2/index.html](http://www.marianist.jp/sm/scholarship080425_2/index.html)

さんこう いばらきけんきょういくいらいしょうがくきん しょうがくきんじょうほう た しょうがくきん  
参考：茨城県教育委員会 奨学金情報「その他の奨学金」  
<http://www.edu.pref.ibaraki.jp/board/gakkou/koukou/syogakukin/>

うえ しょうかい しょうがくきん かん じょうほう か すべ  
※上に紹介した奨学金に関して情報はここに書いてあることが全てではありません。

くわ ないよう がっこう せんせい そうだん いっしょ かくにん  
詳しい内容については、学校の先生に相談して一緒に確認してください。

Các loại học bổng ngoài tỉnh Ibaraki

Tên	Quý học bổng Hội Công giáo Maria St. Joseph	Quý tổ chức phi lợi nhuận JBC・CSR
Đối tượng	Học sinh cấp 3 khó khăn về kinh tế	Dành cho đối tượng thông thường: Những người sẽ nhập học vào trường cấp 3 hoặc trung cấp nghề, hoặc đang học tại trường cấp 3.
Tư cách ứng viên	Người học ở trường cấp 3 của Nhật. Người gặp khó khăn về kinh tế, khó đi học (bất kể quốc tịch). Khác	
Nghĩa vụ hoàn tiền	Không cần hoàn tiền cũng được.	Bạn không cần phải hoàn lại tiền. Tuy nhiên, nếu các bạn sau khi tốt nghiệp, có việc làm, nhập ổn định thì mong bạn hãy quyên góp mỗi tháng 10.000 Yên để ủng hộ cho các thế hệ học sinh sau.
Các học bổng khác	Có thể nhận. ★Những trong trường hợp anh chị em trong gia đình đang nhận học bổng thì không được.	
Đăng ký	Nhận giấy tiến cử của hiệu trưởng và đăng ký thông qua hiệu trưởng	Có thể ứng tuyển qua internet hoặc Fax. Hồ sơ đăng ký sẽ được gửi qua đường bưu điện, sau đó chuẩn bị các hồ sơ và nộp.
Số tiền	1 tháng 20,000 yên	1 tháng 30,000 yên
Liên hệ	Ngân hàng Mitsui Sumitomo Bộ phận uỷ thác bán lẻ. Đội tín nhiệm công ích số 1 (Chuyên viên hội Maria) Số điện thoại: 03 - 5232 - 8908 Người nộp đơn xin không liên lạc trực tiếp. Chỉ có người phụ trách học bổng của trường mới liên lạc trực tiếp.	Quý tổ chức phi lợi nhuận JBC・CSR Số điện thoại: 090 - 5336 - 5236 <a href="http://www.jbc-csr-fund.org/scholarship.html">http://www.jbc-csr-fund.org/scholarship.html</a>

Tham khảo: Chế độ học bổng Tín nhiệm công ích Trang chủ Quý học bổng Hội Công giáo Maria St. Joseph  
[http://www.marianist.jp/sm/scholarship080425\\_2/index.html](http://www.marianist.jp/sm/scholarship080425_2/index.html)

Tham khảo: Ủy ban giáo dục tỉnh Ibaraki Thông tin học bổng “Các học bổng khác”  
<http://www.edu.pref.ibaraki.jp/board/gakkou/koukou/syogakukin/>

Những thông tin trên đây về học bổng không phải là tất cả. Các nội dung chi tiết khác, xin hãy liên hệ và xác nhận lại với giáo viên.

ゆうし せいど かね か せいど  
融資制度 (お金を借りるための制度)

くに きょういくろーん にほんせいさくきんゆうこうこ こくみんせいかつじぎょう  
「国の教育ローン」 日本政策金融公庫 国民生活事業

といあわ くに きょういくろーん こーるせんたー  
問合せ：「国の教育ローン」 コールセンター 0570-008656 または 03-5321-8656

せいかつふくししきん しゅうがくひ しゅうがくしたくひ しちょうそんしゃかいふくしきょうぎかい  
生活福祉資金 (修学費・就学支度費) 市町村社会福祉協議会

<http://www.mhlw.go.jp/bunya/seikatsuhogo/dl/fukusijimusyo-ichiran12.pdf>

ほし ふくし しきん から ふくししきん しゅうがくしきん くに きょういく にほんせいさくきんゆうこうきん  
母子福祉資金・寡婦福祉資金 (就学資金・国の教育ローン) 日本政策金融公庫

いばらき ほけん ふくしふ せいしょうねんかていか  
茨城県 保健福祉部 青少年家庭課

といあわ  
問合せ：029-301-3258

ことば さほーと ひつよう かた と あ  
言葉のサポートが必要な方はお問い合わせください。

いばらき せんたー こもんず ぐるーばるせんたー  
茨城 NPO センター・コモンズ グローバルセンター

げつようび きんようび  
月曜日～金曜日 (9:00～5:00)

TEL: 0297-44-4281

E-mail: [global@npocommons.org](mailto:global@npocommons.org)



こうえきざいだんほうじん いばらきけんこくさいこうりゅうきょうかい がいこくじんそうだんせんたー  
公益財団法人 茨城県国際交流協会：外国人相談センター

TEL: 029-244-3811

E-mail: [iia@ia-ibaraki.or.jp](mailto:iia@ia-ibaraki.or.jp)

<http://www.ia-ibaraki.or.jp/>

げつようび 月曜日	かようび 火曜日	すいようび 水曜日	もくようび 木曜日	きんようび 金曜日
えいご・にほんご・た 英語・日本語・その他				
べとなむご ベトナム語	かんこくご 韓国語 すべいんご スペイン語 べとなむご ベトナム語	ちゅうごくご 中国語 たいご タイ語	ほるとがるご ポルトガル語 たがるご タガログ語	たいご タイ語
13:30～17:00 ちゅうごくご 中国語	13:30～17:00 いんどねしあご インドネシア語	べとなむご ベトナム語	いんどねしあご インドネシア語	

Chế độ tài chính (Chế độ cho mượn)

“Mượn giáo dục” Kho tài chính nhà nước, Bộ phận sinh hoạt quốc dân

Liên hệ: “Khoản vay giáo dục của nhà nước” Trung tâm hỗ trợ qua điện thoại 0570 – 008656 hoặc 03 – 5321 – 8656

Quý phúc lợi sinh hoạt “SEIKATSUFUKUSI-SHIKIN” (học phí /phí hỗ trợ đi học)

Hội đồng phúc lợi xã hội thành phố “SHAKAI FUKUSHI KYOUGIKAI”

<http://www.mhlw.go.jp/bunya/seikatsuhogo/dl/fukusijimusyo-ichiran12.pdf>

Quý phúc lợi Boshi/Quý phúc lợi Kafu (Khoản vay giáo dục của nhà nước/Quý học tập) Kho tài chính nhà nước tỉnh Ibaraki, Bộ phận khúc lợi sức khỏe, Bộ phận Gia đình Thanh niên

Yêu cầu : 029-301-3258

Vui lòng liên hệ với chúng tôi nếu bạn cần hỗ trợ ngôn ngữ.

Trung tâm Ibaraki NPO Center Commons, Global Center

Thứ 6 ~ thứ 2 (9h00 ~ 5h00)

Điện thoại: 0297 – 44 – 4281

Email: [global@npocommons.org](mailto:global@npocommons.org)



Trung tâm tư vấn người nước ngoài, Hiệp hội giao lưu quốc tế tỉnh Ibaraki

TEL: 029-244-3811

E-mail: [iia@ia-ibaraki.or.jp](mailto:iia@ia-ibaraki.or.jp)

<http://www.ia-ibaraki.or.jp/>

Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Tiếng Anh / Tiếng Nhật / Những ngôn ngữ khác				
Tiếng Việt	Tiếng Hàn	Tiếng Trung Quốc	Tiếng Bồ Đào Nha	Tiếng Thái
13:30～17:00 Tiếng Trung Quốc	Tiếng Tây Ban Nha	Tiếng Thái	Tiếng Tagalog	
	Tiếng Việt	<b>Tiếng Việt</b>	Tiếng Indonesia	
	13:30～17:00 Tiếng Indonesia			

## VIII. Q & A

わたし ちゅうがく ねんせい にほん ちい す がいこくせき  
Q. 私は中学3年生です。日本には小さいときから住んでいますが、外国籍です。  
がいこくじんせいと とくれいにゅうがくしゃせんぱつしけん う  
外国人生徒の特例入学者選抜試験を受けられますか。

う れいわ ねんど がいこくじんせいと とくれいにゅうがくしゃせんぱつしけん う れいわ ねん  
A. 受けられません。令和5年度の外国人生徒の特例入学者選抜試験を受けられるのは、令和5年  
がつついたち じてん にほん き ねんた ばあい がっこう せんせい かなら かくにん  
3月1日の時点で日本に来てから3年経っていない場合だけです。(学校の先生と必ず確認し  
ましょう)

しりつ けんりつしょうほう しけん ふごうかく ばあい つぎ すてっぷ  
Q. 私立、県立両方の試験に不合格の場合の次のステップは？

にしほしゅう おうほ つぎ とし じゅけん ほうほう かんが  
A. 二次募集に応募するか、次の年に受験という方法が考えられます。

しけん ふごうかく ばあい にしほしゅう じょうほう て い  
Q. 試験に不合格の場合に二次募集についてどのように情報を手に入れますか

がっこう そうだん いばらきけんきょういくいんかい ほむぺーじ しんぶん ちえく  
A. 学校に相談しましょう。茨城県教育委員会のホームページや新聞でチェックできます。

たんがん へいがん ちが し  
Q. 単願と併願の違いについて知りたい。

たんがん じゅけん がっこう しりつ こう  
A. 単願は受験する学校は私立1校。  
へいがん しりつ けんりつまた しりつ う  
併願は私立と県立又は私立をいくつか受けることをいいます。

しりつ なんこう じゅけん  
Q. 私立は何校でも受験できますか。

じゅけんび かせ う  
A. 受験日が重ならなければ、いくつでも受けられます。

けんりつ なんこうじゅけん  
Q. 県立は何校受験できますか。

こう じしけん ふごうかく ばあい じしけん ほか がっこう う  
A. 1校のみです。(ただし、1次試験が不合格の場合、2次試験で他の学校を受けることはできます。)

にしほしゅう だいいちしほう こうこう いちどう  
Q. 二次募集で第一志望の高校をもう一度受けられますか。

にしほしゅう ばあい う  
A. 二次募集がある場合は受けることができます。  
にしほしゅう いちじほしゅう ていもん たつ ばあい じっし  
二次募集は、一次募集で定員に達しなかった場合にのみ、実施されます。

だいいちしほう こうこう は がっこう せんせい あどばいす  
Q. 第一志望の高校に入れるかどうか学校の先生はアドバイスをしますか。

にしゃめんだん さんしゃめんだん はなし  
A. 二者面談、三者面談などで話があります。

## VIII. Hỏi đáp

Hỏi: Cháu là học sinh Trung học cơ sở năm thứ 3. Cháu sống ở Nhật từ khi còn bé nhưng có quốc tịch nước ngoài. Cháu có thể tham dự kì thi tuyển chọn đặc cách dành cho học sinh nước ngoài được không?

Đáp: Để có thể tham dự kì thi tuyển chọn đặc cách dành cho học sinh nước ngoài vào năm Reiwa 5 thì không được ở Nhật quá 3 năm vào thời điểm ngày 1 tháng 3 năm Reiwa 5. (Hãy xác nhận lại với giáo viên Trung học của mình nhé.)

Hỏi: Nếu cháu không đậu cả trường công lập và trường dân lập vậy thì cháu cần phải làm gì tiếp theo?

Đáp: Cháu có thể ứng tuyển tiếp vào lần tuyển thứ 2 hoặc là sẽ thi lại vào năm sau.

Hỏi: Trong trường hợp không đậu thì sẽ có thể lấy thông tin về lần tuyển chọn thứ 2 ở đâu?

Đáp: Hãy trao đổi với trường mình đang học. Cũng có thể kiểm tra thông tin trên báo hoặc trang web của Ủy ban Giáo dục tỉnh Ibaraki.

Hỏi: Tôi muốn biết thêm về sự khác nhau giữa Tangan và Heigan.

Đáp: Tangan là chỉ đăng ký thi 1 trường dân lập. Heigan là đăng ký thi trường dân lập và công lập, hoặc có thể đăng ký nhiều trường dân lập.

Hỏi: Có thể đăng ký bao nhiêu trường dân lập?

Đáp: Nếu ngày thi không bị trùng thì có thể đăng ký bao nhiêu cũng được.

Hỏi: Có thể đăng ký bao nhiêu trường công lập?

Đáp: Chỉ được 1 trường. (Tuy nhiên, nếu không đậu ở kì thi đợt một thì có thể đăng ký dự thi ở trường khác vào kỳ thi đợt 2)

Hỏi: Ở kì thi đợt 2 có thể đăng ký lại trường đã dự thi hay không?

Đáp: Nếu như trường đó có kì thi đợt 2 thì có thể đăng ký. Kì tuyển chọn đợt 2 chỉ được thực hiện trong trường hợp không đủ số lượng tuyển sinh.

Hỏi: Giáo viên trong trường có tư vấn về việc vào trường cấp 3 nguyện vọng 1 không?

Đáp: Trong những buổi tư vấn 2 người (Nisha mendan), 3 người (Sansha Mendan) sẽ đề cập đến vấn đề này.